

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101178800, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...87.../GCN...UBCK... do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 10 năm 2014.)

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở

Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, số 2
Đường Hải Triều quận 1, TP. HCM

Chi nhánh Hà Nội:

109 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 62626999

Fax: (84-4) 62782688

Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Biệt thự số 18, BT5, Khu đô thị Pháp
Vân – Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai,
Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3683 0516

Fax: (84-04) 3683 0618

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Chức vụ: Phó Giám đốc

Điện thoại: (84-4) 3683 0516

Fax: (84-280) 3834428

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro kinh tế	5
2. Rủi ro luật pháp	6
3. Rủi ro ngành	6
4. Rủi ro tỷ giá	6
5. Rủi ro của đợt chào bán	7
6. Rủi ro pha loãng cổ phiếu	7
7. Rủi ro khác	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	9
1. Tổ chức phát hành	9
2. Tổ chức tư vấn phát hành	10
III. CÁC KHÁI NIỆM	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	12
1. Quá trình hình thành và phát triển	12
2. Cơ cấu tổ chức và quản lý	17
3. Cơ cấu cổ đông	21
4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức phát hành	22
5. Quá trình tăng vốn của Công ty	22
6. Hoạt động sản xuất kinh doanh	23
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm gần nhất	51
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	55
9. Chính sách đối với người lao động	57
10. Chính sách cổ tức	59
12. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	65
13. Tài sản	sản 75

14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty	79
15.	Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	80
16.	Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức	81
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	81
18.	Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty có thể gây ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán	81
V.	CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH	82
1.	Loại cổ phiếu	82
2.	Mệnh giá	82
3.	Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành	82
4.	Giá phát hành dự kiến: 15.000 đồng/ cổ phần.	82
5.	Phương pháp tính giá phát hành:	82
6.	Phương thức phân phối	83
7.	Thời gian phân phối dự kiến	83
8.	Đăng ký mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu	84
9.	Phương thức thực hiện quyền mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu	84
10.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ với người nước ngoài	85
11.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	85
12.	Các loại thuế có liên quan	85
13.	Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần	87
VI.	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH CỔ PHẦN	88
VII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU	98
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	100
1.	Tổ chức tư vấn phát hành	100
2.	Tổ chức kiểm toán	100
XI.	PHỤ LỤC	101

1.	Giấy đăng ký chào bán cổ phần ra công chúng	101
2.	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	101
3.	Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty	101
4.	Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014	101
5.	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013	101
6.	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2012	101
7.	Sơ yếu lý lịch của HĐQT, BGD, BKS và Kế toán trưởng	101
8.	Tài liệu khác có liên quan	101

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung và ngành cung cấp thiết bị y tế nói riêng.

Tăng trưởng kinh tế

Là một bộ phận của nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Theo Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP năm 2013 là 5,42% thấp hơn mục tiêu mà Chính phủ đề ra là 5,5%.¹ Tăng trưởng thấp không gây ngạc nhiên trong bối cảnh tín dụng tăng trưởng thấp, sản xuất khó khăn, chi tiêu chính phủ bị cắt giảm và tổng cầu yếu. Tăng trưởng GDP năm 2013 cao hơn mức tăng trưởng 5,03% của năm 2012 nhưng vẫn thấp hơn mức tăng trưởng 5,89% của năm 2011 chắc chắn sẽ thách thức khả năng đạt được mục tiêu của Chính phủ là tăng trưởng trung bình từ 6,5% tới 7% trong giai đoạn 2011 – 2015. Vì vậy, Chính phủ có dự định tiếp tục nới lỏng tiền tệ trong giai đoạn 2013 – 2015 để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế lên 7% trong dài hạn. Sự tăng trưởng bền vững và khá ổn định của nền kinh tế sẽ tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của các ngành nghề trong nền kinh tế nói chung và tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Trong giai đoạn năm 2012 – 6 tháng đầu năm 2014, Chính phủ đã triển khai quyết liệt các biện pháp kiềm chế lạm phát và ổn định vĩ mô, nhờ đó mà lạm phát trong giai đoạn này đã giảm rõ rệt. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12/2013 tăng 0,51% so với tháng trước và tăng 6,04% so với tháng 12/2012 (Nguồn Tổng cục Thống kê). Đây là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2013 tăng 6,6% so với bình quân năm 2012. Với những dấu hiệu cải thiện vĩ mô rõ rệt vào thời điểm cuối năm cũng như các định hướng tái cấu trúc kinh tế, cắt giảm lãi suất, thoái vốn ngoài ngành, tăng hiệu quả đầu tư công... đã mở ra triển vọng sáng sủa hơn cho mục tiêu duy trì tăng trưởng và ổn định lạm phát.

Lãi suất

Đặc trưng của các doanh nghiệp thương mại nói chung là nợ vay thường chiếm tỷ lệ cao nhằm đảm bảo đủ vốn lưu động trong kinh doanh. Do đó, biến động của lãi suất sẽ tác động mạnh đến chi phí hoạt động của các doanh nghiệp, làm thay đổi lớn kết quả lợi nhuận. Tuy nhiên, từ

¹ Bài “GDP năm 2013 tăng 5,42%, kinh tế có dấu hiệu phục hồi”. Nguồn <http://baodautu.vn/gdp-nam-2013-tang-542-kinh-te-co-dau-hieu-phuc-hoi.html>

năm 2013, JVC đã nỗ lực giảm tỷ lệ nợ vay/tổng tài sản để giảm rủi ro từ việc thay đổi lãi suất tăng đối với Công ty.

Hoạt động nhập khẩu và kinh doanh thiết bị y tế kỹ thuật cao, nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các biến động tiêu cực của kinh tế, tác động trực tiếp đến mức độ chi tiêu cho dịch vụ do mức sống người dân giảm, chi phí đi vay tăng do khó khăn về lãi suất, về nguồn tiền cho vay của các ngân hàng...

2. Rủi ro luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm việc nhập khẩu thiết bị y tế nên sẽ chịu sự điều chỉnh trực tiếp từ các văn bản pháp luật liên quan đến các tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết bị y tế do Bộ Y tế ban hành, và các văn bản pháp luật quy định về việc nhập khẩu và phân phối thiết bị y tế của Tổng cục Hải quan, Bộ thương mại.

Ngoài ra, hoạt động của Công ty sẽ phải tuân thủ theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Tuy nhiên, do hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện còn đang trong quá trình hoàn thiện, việc sửa đổi và bổ sung dẫn đến sự thay đổi liên tục các văn bản pháp luật là điều khó tránh khỏi. Sự thiếu ổn định trong chính sách điều tiết này có ảnh hưởng không nhỏ đến các kế hoạch sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Nhằm hạn chế rủi ro do ảnh hưởng của pháp luật, Công ty luôn cập nhật các thay đổi trong các chính sách pháp luật để nắm bắt và vận dụng sao cho phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh do Công ty đề ra.

3. Rủi ro ngành

Hiện nay, các thiết bị y tế và vật tư tiêu hao phục vụ nhu cầu trong nước chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài và trong nước chưa có khả năng sản xuất được. Trong nước cũng đã có nhiều doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ hiện đang hoạt động trong lĩnh vực này, tuy nhiên Công ty xác định sự cạnh tranh từ phía các đối tượng này là không đáng kể do Công ty hiện đang có nhiều lợi thế về quy mô doanh nghiệp, quy mô về mạng lưới phân phối và khách hàng cũng như có uy tín với nhiều nhà cung cấp nổi tiếng trên thế giới và cũng đã được các hãng lựa chọn là nhà cung cấp độc quyền tại Việt Nam như Fuji, Hitachi, GE,... Bên cạnh đó, Công ty còn có một đội ngũ nhân viên kỹ thuật có trình độ cao và đều đã được đào tạo bởi chính các hãng cung cấp thiết bị y tế, do đó rất am hiểu về các sản phẩm. Với các lợi thế đó, công ty luôn có khả năng đáp ứng các yêu cầu của phía khách hàng từ việc đặt hàng đến sửa chữa bảo dưỡng thiết bị một cách nhanh chóng. Ngoài ra, với uy tín đã được Công ty xây dựng trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, các hãng cung cấp đã luôn đảm bảo về tính ổn định về nguồn hàng cũng như chính sách về giá để tạo điều kiện tốt nhất cho Công ty trong việc phân phối các sản phẩm đến với khách hàng. Do đó, Công ty hoàn toàn tự tin về khả năng cạnh tranh của mình trước các đối thủ trong cùng ngành.

4. Rủi ro tỷ giá

Hiện nay các sản phẩm của Công ty không chỉ đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước mà đang có kế hoạch xuất khẩu đến nhiều nước tại Châu Á như các nước Asean: Lào, Campuchia ... do đó rủi ro tỷ giá tác động trực tiếp đến doanh thu của Công ty hiện tại.

Bên cạnh đó, đặc thù của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực thương mại, nguồn sản phẩm đầu vào của Công ty chủ yếu nhập khẩu và phần lớn các trang thiết bị, máy móc hiện đại của Công ty đều nhập khẩu từ các nước Nhật, Mỹ, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan,... thì những biến động về tỷ giá hối đoái giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ mạnh (đặc biệt là Đôla Mỹ) sẽ có tác động nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

5. Rủi ro của đợt chào bán

Số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán này có rủi ro không được phân phối hết. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán cho cổ đông hiện hữu là 50.000.076 cổ phiếu, chiếm 80% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty. Tuy nhiên do giá phát hành được xác định căn cứ giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2014 và cổ đông hiện hữu phần lớn là cán bộ công nhân viên, các quỹ đầu tư đã gắn bó với Công ty và đều mong muốn đóng góp cho sự phát triển của Công ty nên rủi ro này là không cao.

Mặt khác, Công ty cũng đã có phương án tìm kiếm đối tác để phân phối số lượng cổ phiếu không bán hết với mức giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. Trong trường hợp cần thiết, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục xin gia hạn thêm thời gian chào bán.

Đối với rủi ro về nguồn vốn trong trường hợp không huy động đủ số vốn cần thiết, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn tự có và/hoặc sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu này sẽ làm phát sinh rủi ro pha loãng cổ phần như sau:

- Pha loãng về Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)
- Pha loãng giá sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)
- Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.
- Pha loãng giá cổ phiếu

▪ Về pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS)

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Công ty. Căn cứ báo cáo tài chính đã soát xét của Công ty kết thúc vào ngày 30/06/2014, chỉ số EPS của Công ty tại thời điểm ngay sau khi phát hành dự kiến bị giảm như sau:

Công thức tính	Lợi nhuận sau thuế	
	EPS = $\frac{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$	
Số lượng cổ phần đang lưu hành	(1)	62.500.095 cổ phần
Số lượng cổ phần chào bán đợt này	(2)	50.000.076 cổ phần
Số lượng cổ phần dự kiến sau khi chào bán	(3) = (1) + (2)	112.500.171 cổ phần
Lợi nhuận sau thuế 04 quý gần nhất (Từ 30/06/2013 đến ngày 30/06/2014)	(4)	61.269,27 triệu đồng
EPS 04 quý gần nhất trước khi chào bán	(5) = (4)/(1)	980 đồng/ cổ phần
EPS 04 quý gần nhất ngay sau khi chào bán	(6) = (4)/(3)	545 đồng/ cổ phần

Hiệu ứng pha loãng EPS sẽ giảm dần khi số vốn bổ sung từ việc phát hành được đưa vào sử dụng và tạo ra lợi nhuận tương ứng.

Về việc pha loãng giá sổ sách trên mỗi cổ phần (BVPS)

Tại ngày 30/06/2014, giá trị sổ sách theo BCTC đã soát xét của Công ty là 15.299 đồng/ cổ phần. Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần từ việc phát hành (và với giả định Công ty không mua cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty sẽ giảm.

Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết.

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt phát hành này so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm.

Việc phát hành cổ phần sẽ pha loãng giá cổ phiếu. Cụ thể, tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của cổ đông hiện hữu, giá cổ phiếu của Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

- Ptc : là giá tham chiếu của JVC trong ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn.
- PRt-1: là giá giao dịch của cổ phiếu JVC trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua.
- I : là tỷ lệ vốn tăng.
- PR : là giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.

Ví dụ:

Chào bán cho Cổ đông hiện hữu 50.000.076 cổ phiếu với các thông tin sau:

- Giả sử giá tham chiếu của JVC trong ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là 18.600 đồng/cổ phiếu.
- Giá cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu: 15.000 đồng/cổ phiếu.

Về mặt lý thuyết, giá cổ phiếu này sẽ bị điều chỉnh:

$$P \text{ sau khi pha loãng} = \frac{18.600 + (80\% * 15.000)}{1+80\%} = 17.000 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Như vậy, giá cổ phiếu sau khi phát hành là 17.000 đồng/cổ phiếu, giảm 1.600 đồng/cổ phiếu so với giá cổ phiếu thị trường JVC trước ngày phát hành.

Lưu ý: Giá thị trường trong ví dụ trên chỉ nhằm mục đích minh họa cụ thể cho nhà đầu tư thấy rõ về sự pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành, mà không phản ánh đúng giá trị thị trường của cổ phần JVC vào thời điểm chốt danh sách cổ đông để chào bán.

7. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn, biến động giá cả, biến động chính trị xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... nếu xảy ra có thể gây thiệt hại về tài sản và con người, ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Lê Văn Hường	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Bà Hồ Bích Ngọc	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Ông Nguyễn Hữu Thắng Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn phát hành

Ông Nguyễn Quang Bảo Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật cung cấp.

(Giấy uỷ quyền số 17/2014/QĐ. VCSC ngày 01/07/2014 về việc uỷ quyền Phó Tổng Giám đốc ký thay Tổng Giám đốc.)

III. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- CTCP Công ty cổ phần
- JVC Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT Hội đồng quản trị
- TSCĐ Tài sản cố định
- Cổ phiếu Cổ phiếu Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- Điều lệ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- TTLK Trung tâm Lưu ký chứng khoán
- SXKD Sản xuất kinh doanh
- QLCL Quản lý chất lượng
- HĐKD Hoạt động kinh doanh
- DT Doanh thu
- KCN Khu Công nghiệp
- TBYT Thiết bị Y tế
- Chụp CT Chụp Cộng hưởng từ

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Quá trình hình thành và phát triển

1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Năm 2001

Công ty Cổ phần Thiết Bị Y tế Việt Nhật tiền thân là Công ty TNHH Thiết bị Y tế Việt Nhật, được thành lập vào ngày 27/09/2001 với ngành nghề kinh doanh chính là mua bán, cho thuê thiết bị y tế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế. Trong những ngày đầu thành lập, vốn điều lệ của Công ty là 6 tỷ đồng, nhân sự Công ty chỉ có 05 người bao gồm lãnh đạo Công ty, kế toán, kinh doanh, và kỹ thuật.

Năm 2002

Công ty TNHH Thiết Bị Y tế Việt Nhật chính thức trở thành đại lý độc quyền về thiết bị y tế của Công ty Hitachi Medical System tại Việt Nam, chuyên cung cấp các dòng sản phẩm chính máy cộng hưởng từ (MRI), máy chụp cắt lớp vi tính (CT-scanner system), máy X-quang (X-ray system), máy siêu âm (Ultrasound-scanner system).

Cũng trong năm này, Công ty bắt đầu thiết lập quan hệ với một số bệnh viện lớn qua các hợp đồng liên kết khai thác máy như bệnh viện Bạch Mai, bệnh viện đa khoa các tỉnh Thái Bình, Đà Nẵng, Kiên Giang.... Đi cùng với sự phát triển của Công ty, số lượng nhân viên của Công ty tăng lên 27 người.

Năm 2003

Công ty TNHH Thiết Bị Y tế Việt Nhật trở thành nhà phân phối thiết bị cho một số hãng nổi tiếng trên thế giới như Nemoto (máy bơm thuốc cân quang/cân từ tự động), ELK (máy in, máy đo huyết áp tự động...), KINKY Roentgen (máy X- quang răng...)

Năm 2004-2005

Công ty TNHH Thiết Bị Y tế Việt Nhật được tập đoàn Toray Medical lựa chọn là nhà phân phối thiết bị thận nhân tạo tại Việt Nam

Số nhân viên của Công ty vào thời điểm này đã là 73 người theo nhu cầu sản xuất kinh doanh mới

Năm 2006

Căn cứ vào nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty Việt Nhật mở thêm Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2007

Tháng 05/2007, Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Việt Nhật đã nghiên cứu thành công và cho ra mắt hệ thống xe khám bệnh lưu động đầu tiên tại Việt Nam. Trên xe có gắn các thiết bị y tế hiện đại: Siêu âm, X-quang kỹ thuật số, máy xét nghiệm...

Tháng 07/2007, Công ty TNHH Thiết bị Y Tế Việt Nhật ký hợp đồng phân phối với Carestream Kodax trở thành nhà phân phối X-quang kỹ thuật số DR/CR, máy in và vật tư đi kèm.

Cũng trong năm này, Công ty trở thành nhà phân phối của hãng Fuji, chuyên cung cấp các sản phẩm hệ thống đọc và xử lý hình ảnh X-quang kỹ thuật số tại Việt Nam.

Năm 2008

Công ty Việt Nhật hoàn thành xong Trung tâm kỹ thuật cao tại 22- Nguyễn Bình Khiêm- Hà Nội liên kết với Bệnh viện hiện y học cổ truyền TW. Tại trung tâm, Công ty đã đầu tư máy thận nhân tạo, máy Cộng hưởng từ, máy xét nghiệm lâm sàng, máy nội soi để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

Năm 2009

Đầu năm 2009, Công ty đã kết hợp với các chuyên gia kỹ thuật hàng đầu của Nhật Bản (kỹ sư với trên 30 năm kinh nghiệm) thành lập ra Trung tâm nghiên cứu sản xuất Máy X- quang tại Việt Nam.

Trong cùng thời gian đầu năm 2009, Công ty đã tiến hành ký hợp đồng đầu tư xây dựng Khu khám chữa bệnh chất lượng cao (thời gian đầu tư: 49 năm) với Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ tại TP. Việt Trì. Khu khám chữa bệnh chất lượng cao với 200 giường và các Thiết bị y tế hiện đại, tiện nghi như: máy Cộng hưởng từ siêu dẫn, CT- scanner đa lát, X- quang số hóa, giường bệnh gắn mô tô, phòng mổ, bàn mổ hiện đại,... chắc chắn sẽ là nơi điều trị, khám chữa bệnh hiệu quả cho người dân.

Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Việt Nhật trở thành đại lý cho một số Công ty: Kaigen Corporation về dược phẩm, máy nội soi và máy khử trùng dụng cụ nội soi.

Trong thời gian này, Công ty đã hoàn tất thủ tục và thành lập Phòng khám bệnh đa khoa Việt Nhật tại 571- Giải Phóng, Hoàng Mai, Hà Nội nhằm phục vụ cho nhu cầu khám lưu động tại các Khu công nghiệp lớn và công tác khám chữa bệnh tại chỗ.

Năm 2010

Công ty đã ký hợp đồng phân phối độc quyền sản phẩm thuốc nhỏ mắt của hãng Senjiu- Nhật Bản.

Căn cứ vào nhu cầu vốn để mở rộng kinh doanh, ngày 09/09/2010, Công ty TNHH Thiết Bị Y tế Việt Nhật đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 6 tỷ đồng lên 242 tỷ đồng.

Ngày 27/09/2010, Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Việt Nhật chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Thiết Bị Y Tế Việt Nhật theo Giấy phép ĐKKD và đăng ký thuế số 01001178800 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/09/2010.

Năm 2011

Toàn bộ 24.200.000 cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết và chào sàn trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh;

Năm 2012

Quỹ đầu tư công nghiệp DI Châu Á ("DIAIF") chính thức trở thành cổ đông chiến lược của Công ty.

Phát hành riêng lẻ cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phần Công ty TNHH Kyoto Medical Science (KMS) thuộc sở hữu của các cổ đông của KMS, theo đó, KMS trở thành công ty con 100% vốn của JVC.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- Tên tiếng Anh: J&V Medical Instrument JSC
- Biểu tượng của Công ty:



- Trụ sở chính: Biệt thự 18, BT5, Khu Đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
- Điện thoại: (84-04) 36830516
- Fax: (84-04) 36830618
- Email: jandv@hn.vnn.vn
- Website: www.ytevietnhat.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0101178800 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn điều lệ: 625.000.950.000 VNĐ
- Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0101178800 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Xây dựng công trình công ích:</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Việc xây dựng các mạng lưới vận chuyển, phân phối và các công trình xây dựng dân dụng như: <ul style="list-style-type: none"> • Các đường ống với khoảng cách dài, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông, • Các đường ống với khoảng cách dài, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông ở thành phố; các công trình phụ thuộc của thành phố. + Xây dựng đường ống và hệ thống nước như : Hệ thống tưới tiêu (kênh), Các bể chứa. + Xây dựng các công trình cửa: <ul style="list-style-type: none"> • Hệ thống nước thải, bao gồm cả sửa chữa, • Nhà máy xử lý nước thải, • Các trạm bơm, • Nhà máy năng lượng, + Khoan nguồn nước. 	4220

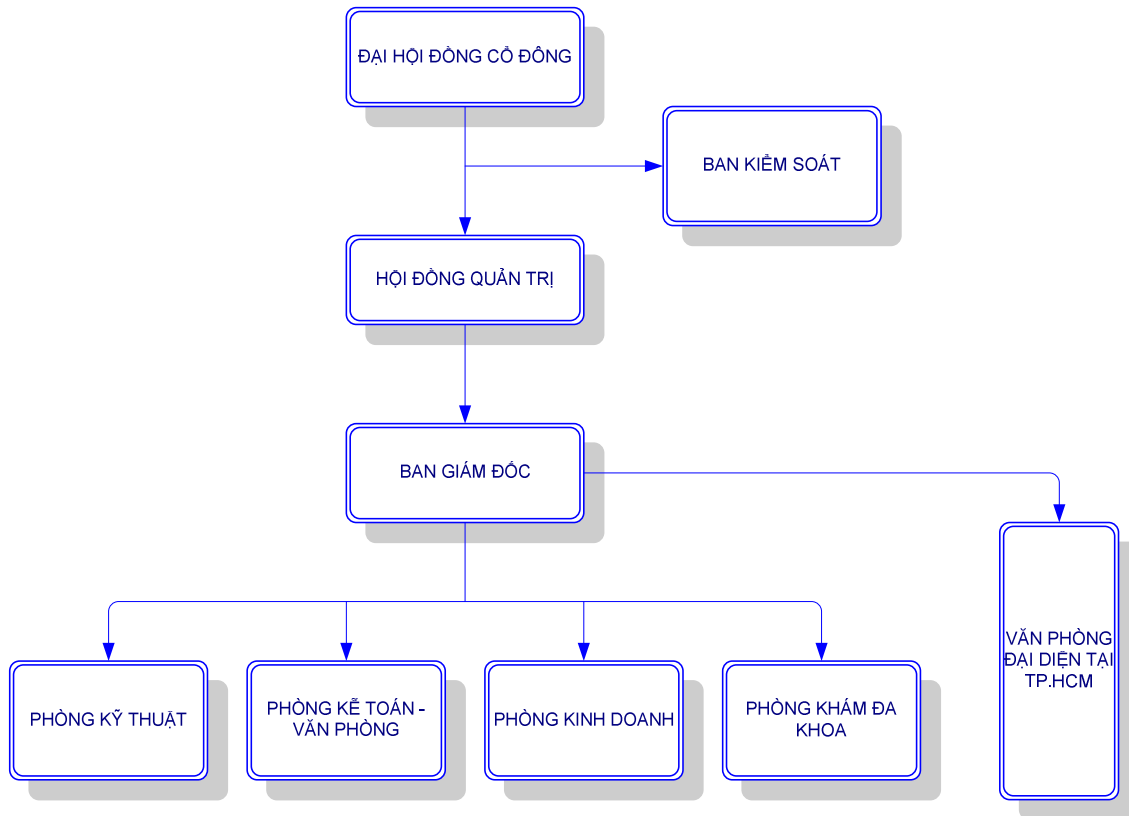
STT	Tên ngành	Mã ngành
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: + Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: • Các nhà máy lọc dầu, • Các xưởng hoá chất, + Xây dựng công trình cửa như: • Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... • Đập và đê. + Xây dựng đường hầm ; + Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. + Chia tách đất với cải tạo đất (ví dụ đắp đường, các cơ sở hạ tầng công).	4290
3	Vận tải hành khách đường thủy nội địa;	5021
4	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;	5012
5	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm; Bán buôn sắt thép; Bán buôn quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium);	4662
6	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa. Chi tiết: phòng khám đa khoa (không kinh doanh tại trụ sở);	8620
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Dịch vụ đại lý tàu biển;	5229
8	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;	4933
9	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;	5022
10	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;	5011
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (trừ các loại Nhà nước cấm);	4669
12	Tái chế phế liệu (trừ các loại Nhà nước cấm);	3830
13	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;	2640
14	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;	2620
15	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp;	2660
16	Sản xuất linh kiện điện tử;	2610

17	Sản xuất các cấu kiện kim loại;	2511
18	Đúc sắt thép;	2431
19	Sản xuất sản phẩm từ plastic;	2220
20	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;	6209
21	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;	4742
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
23	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;	4652
24	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;	4651
25	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn dụng cụ y tế Doanh nghiệp bán buôn thuốc;	4649
26	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);	3250
27	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;	3320
28	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;	3313
29	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;	4772
30	Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);	4610
31	Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội thất;	7410
32	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
33	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;	4722

34	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;	4721
35	Bán buôn thực phẩm;	4632
36	Bán buôn gạo;	4631
37	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);	4620
38	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;	6202
39	Lập trình máy vi tính	6201
40	Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông;	6190
41	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
42	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;	4741
43	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế; (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7730

2. Cơ cấu tổ chức và quản lý

2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty



2.2. Cơ cấu quản lý của Công ty

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được luật pháp và điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại HĐQT Công ty Cổ phần Thiết Bị Y Tế Việt Nhật có 07 thành viên, nhiệm kỳ là 5 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra.

Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Hiện tại, Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ là 5 năm.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty gồm Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động kinh doanh của Công ty theo Điều lệ Công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Công ty hiện có 03 phó giám đốc bao gồm:

- **Phó Giám đốc Quản lý chung:** Chịu trách nhiệm điều hành, quản lý Công ty khi Giám đốc vắng mặt, cùng Giám đốc điều hành, giám sát mọi hoạt động kinh doanh của Công ty.
- **Phó Giám đốc Kinh doanh:** Chịu sự quản lý của Giám đốc và Phó Giám đốc Quản lý chung; Quản lý, giám sát trực tiếp tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; Lập kế hoạch kinh doanh, các chiến lược quảng bá, marketing thúc đẩy phát triển các lĩnh vực kinh doanh và các sản phẩm mới; Liên hệ với các đối tác nước ngoài về sản phẩm, giá cả sản phẩm, tìm kiếm các sản phẩm và các đối tác mới; Trao đổi với các đối tác nước ngoài để đào tạo kinh doanh cho Công ty (đào tạo trong nước và nước ngoài).
- **Phó Giám đốc Kỹ thuật:** Chịu sự quản lý của Giám đốc và Phó Giám đốc quản lý chung; Quản lý, giám sát trực tiếp toàn bộ các hoạt động liên quan đến kỹ thuật của Công ty như: Lắp đặt máy móc, thiết bị, bảo hành, bảo trì, các hoạt động dịch vụ; Liên hệ với các đối tác nước ngoài trong việc cung cấp các linh kiện, các bộ phận thay thế phục vụ cho công tác bảo hành, bảo trì các sản phẩm của Công ty và cho khách hàng; Trao đổi với các đối tác nước ngoài để đào tạo đội ngũ kỹ sư (đào tạo trong nước và nước ngoài)

Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc và Kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ
	Hội đồng quản trị	
1	Ông Lê Văn Hường	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc
2	Ông Kyohei Hosono	Ủy viên Hội đồng quản trị
3	Ông Tashiro Masaaki	Ủy viên Hội đồng quản trị
4	Bà Nguyễn Phương Hạnh	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc
5	Ông Phạm Văn Thanh	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc
6	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc
7	Bà Hồ Bích Ngọc	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng
	Ban Giám đốc	
1	Ông Lê Văn Hường	Giám đốc
2	Bà Nguyễn Phương Hạnh	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc
3	Ông Phạm Văn Thanh	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

4	Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc
	Ban Kiểm soát	
1	Vũ Thị Thúy Hằng	Thành viên Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Văn Dương	Thành viên Ban Kiểm soát
	Kế toán trưởng	
1	Bà Hồ Bích Ngọc	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

Các phòng ban chức năng

❖ Phòng kinh doanh:

- Trực tiếp tiếp xúc với khách hàng (đã được Công ty phân công theo từng tỉnh), chăm sóc, theo dõi nhu cầu của khách hàng để cung cấp các sản phẩm, thiết bị y tế, tạo doanh thu cho Công ty.
- Trực tiếp tham gia các hoạt động Marketing, quảng bá, giới thiệu sản phẩm tới các khách hàng trên khắp cả nước.
- Tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm theo từng gói thầu (Trái phiếu chính phủ, Ngân sách Bộ, Sở y tế, Ngân sách của Tỉnh hoặc các Bệnh viện, các dự án như World Bank, Jica,...)
- Theo dõi, ngoại giao, quản lý hoạt động liên kết Thiết bị y tế tại các bệnh viện đặt máy liên kết của Công ty.
- Làm các công việc trực tiếp liên quan đến lĩnh vực kinh doanh.

❖ Phòng Kế toán- Văn phòng:

- Thực hiện các công việc trực tiếp liên quan đến tài chính, kế toán của công như: Lập báo cáo tài chính, theo dõi thu- chi, theo dõi Nhập- Xuất- Tồn hàng hóa, theo dõi công nợ, lập báo cáo gửi cơ quan Thuế hàng tháng và các cơ quan chức năng khác.
- Lập kế hoạch tài chính báo cáo cho Giám đốc để có kế hoạch điều phối vốn phục vụ cho nhu cầu kinh doanh.
- Chịu trách nhiệm lập báo cáo, theo dõi, quản lý về chế độ, chính sách tiền lương, thưởng, phụ cấp, Bảo hiểm XH, BHYT, ... và các chế độ khác cho người lao động (CBCNV Công ty)
- Trực tiếp quản lý, theo dõi về tình hình nhân sự trong Công ty.
- Các công việc khác liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán.

❖ Phòng Kỹ thuật:

- Bộ phận Kỹ sư

- + Trực tiếp lắp đặt, bảo hành, bảo trì hướng dẫn vận hành sản phẩm đến tay khách mua hàng.
- + Quản lý danh sách khách hàng đã mua sản phẩm Công ty, trực tiếp tham gia các công việc Marketing để ký các hợp đồng service với khách hàng.
- + Theo dõi, giám sát và xử lý các sự cố kỹ thuật đối với các Thiết bị đầu tư liên kết tại các Bệnh viện.
- + Làm các công việc liên quan đến kỹ thuật
- Bộ phận Kỹ thuật viên
 - + Trực tiếp quản lý, theo dõi Thiết bị liên kết tại các Bệnh viện, quản lý doanh số thu được từ các Thiết bị liên kết để cuối tháng báo cáo với Công ty.

❖ *Phòng khám đa khoa*

Phòng khám bệnh đa khoa Việt Nhật của Công ty được đặt tại Biệt thự 17, BT5, KĐT Pháp Vân, Tứ Hiệp, P. Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội nhằm phục vụ cho nhu cầu khám lưu động tại các Khu công nghiệp lớn và công tác khám chữa bệnh tại chỗ của người dân. Năm 2007, Công ty đưa vào khai thác, vận hành hệ thống xe khám bệnh lưu động lần đầu tiên với các thiết bị y tế hiện đại nhất nhằm phục vụ nhu cầu khám lưu động tại các khu Công nghiệp lớn trên cả nước.

❖ *Văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh*

Văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh có địa chỉ tại 48-50M Hoàng Quốc Việt, Phường Phú Mỹ, Quận 7, TP HCM, có nhiệm vụ chính là đại diện cho Công ty tìm kiếm, phát triển các cơ hội kinh doanh và thực hiện các hợp đồng đã ký kết của Công ty tại khu phía Nam (từ Đà Nẵng trở vào). Cơ cấu tổ chức và chức năng hoạt động cũng giống như Trụ sở Công ty, chịu sự quản lý, giám sát trực tiếp của các Phòng ban tại trụ sở Công ty.

3. Cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 11/08/2014

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lê Văn Hướng	13,335,987	21.34%
2	DI ASIAN INDUSTRIAL FUND, L.P	19,410,666	31.06%
3	Vietnam Equity Holding	4,316,561	6.91%
4	Vietnam Holding Limited	4,168,674	6.67%
Tổng cộng		41,231,888	65.97%

Nguồn: JVC

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 11/08/2014

Công ty được chuyển đổi từ loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH và chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo loại hình Công ty cổ phần từ ngày 27/09/2010 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu ngày 27/09/2010. Công ty không có cổ đông sáng lập.

3.3. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 11/08/2014

STT	Cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông tổ chức trong nước	35	2.681.687	4,29%
2	Cổ đông cá nhân trong nước	1.579	29.193.147	46,71%
	- Cá nhân trong Công ty:	44	15.859.094	25,37%
	- Cá nhân ngoài Công ty:	1.535	13.334.053	21,34%
3	Cổ đông nước ngoài	22	30.625.261	49,00%
	Tổng cộng	1.636	62.500.095	100,00%

Nguồn: JVC

4. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của Tổ chức phát hành

4.1. Thông tin Công ty mẹ

Công ty không có Công ty mẹ

4.2. Thông tin Công ty con

Công ty có 01 Công ty con với tỷ lệ sở hữu là 100%.

Tên Công ty	Địa chỉ:	Ngành nghề kinh doanh	Lợi ích và quyền biểu quyết của JV
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	36BT5 – KĐT Pháp Vân , Tứ Hiệp, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất, lắp ráp thiết bị y tế. <i>(Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101937134 đăng ký lần đầu ngày 04/5/2006 thay đổi lần thứ 12 ngày 02/05/2013)</i>	100%

5. Quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật đã thực hiện các đợt tăng vốn kể từ khi trở thành Công ty cổ phần năm 2010 cụ thể như sau:

Năm 2012: Tăng vốn từ 224.000.000.000 đồng lên 354.199.990.000 đồng

Đợt 1 - Tăng vốn từ 224.000.000.000 đồng lên 322.000.000.000 đồng

Căn cứ: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2011 và Nghị quyết HĐQT các ngày 17/12/2011, 22/12/2011

- Số lượng cổ phiếu phát hành cho đối tác chiến lược: 8.000.000 cổ phần, tương đương 80.000.000.000 đồng mệnh giá
- Giá phát hành: 19.325 đồng/cổ phần
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 154.600.000.000 đồng (*một trăm năm mươi tư tỷ sáu trăm triệu đồng*)
- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: đầu tư mở rộng hoạt động đầu tư liên kết với các bệnh viện, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thời điểm hoàn tất đợt phát hành: ngày 15/02/2012

Đợt 2 - Tăng vốn từ 322.000.000.000 đồng lên 354.199.990.000 đồng

Căn cứ: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 và Nghị quyết HĐQT các ngày 26/05/2012, 05/06/2012

- Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức năm 2011: 3.219.999 cổ phần, tương đương 32.199.990.000 đồng mệnh giá
- Thời điểm hoàn tất đợt phát hành: ngày 06/07/2012

Đợt 3 - Tăng vốn từ 354.199.990.000 đồng lên 494.075.990.000 đồng

Căn cứ: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 21/11/2012, JVC đã thực hiện đợt phát hành sau:

- Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu: 9.917.600 cổ phần, tương đương 99.176.000.000 đồng mệnh giá. Giá phát hành: 15.000 đồng/cổ phần
- Phát hành riêng lẻ 4.070.000 cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phần KMS thuộc sở hữu của các cổ đông của KMS;
- Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 148.764.000.000 đồng
- Mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: được sử dụng để tiếp tục thực hiện đầu tư liên kết với Bệnh viện K và Bệnh viện Việt Đức.
- Thời điểm hoàn tất đợt phát hành: ngày 03/05/2013

Đợt 4 - Tăng vốn từ 494.075.990.000 đồng lên 568.185.300.000 đồng

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 24/6/2013

- Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức với tỷ lệ 15% là: 7.410.931 cổ phần, tương đương 74.109.310.000 đồng mệnh giá.
- Thời điểm hoàn tất đợt phát hành: ngày 10/10/2013.

Đợt 5 - Tăng vốn từ 568.185.300.000 đồng lên 625.000.950.000 đồng

Căn cứ: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014

- Số lượng cổ phiếu phát hành để trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%: 5.681.565 cổ phần, tương đương 56.815.650.000 đồng mệnh giá.
- Thời điểm hoàn tất đợt phát hành: ngày 15/09/2014.

6. Hoạt động sản xuất kinh doanh

6.1. Sản phẩm chính của Công ty

Hiện nay, sản phẩm dịch vụ cung ứng ra thị trường của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh, đầu tư liên kết thiết bị y tế bao gồm các thiết bị chuẩn đoán hình ảnh như: máy CT scanner, máy chụp X-Quang, Máy siêu âm, Máy chụp cộng hưởng từ,...
- Kinh doanh các loại vật tư tiêu hao: phim dùng cho các máy chụp X-Quang, máy CT scanner,...
- Đầu tư liên kết thiết bị y tế bao gồm các thiết bị chuẩn đoán hình ảnh như: máy CT scanner, Máy chụp cộng hưởng từ,...
- Các dịch vụ bao gồm: khám chữa bệnh lưu động, bảo trì bảo dưỡng thiết bị,...

6.1.1 Kinh doanh thiết bị y tế


Trong năm 2013, kinh doanh thiết bị y tế và vật tư tiêu hao là mảng hoạt động chính của Công ty, chiếm tỷ trọng 54% tổng doanh thu Công ty. Công ty chuyên cung cấp các dòng sản phẩm thiết bị y tế công nghệ cao như máy cộng hưởng từ (MRI), máy chụp cắt lớp vi tính (CT-scanner system), máy X-quang (X-ray system), máy siêu âm (Ultrasound-scanner system), hệ thống chụp X-quang số, máy chạy thận nhân tạo, máy xét nghiệm huyết học, máy mổ tật khúc xạ, máy mổ đục thủy tinh thể... được nhập từ các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore.

Với lợi thế là đại lý độc quyền và nhà phân phối chính thức cho các tập đoàn hàng đầu về thiết bị y tế trên thế giới, Công ty là đầu mối duy nhất cung cấp sản phẩm của các hãng này vào thị trường Việt Nam. Các sản phẩm Công ty cung cấp có giá cả cạnh tranh, đội ngũ cán bộ, kỹ sư hỗ trợ bán và sau bán hàng được đào tạo bởi chính các hãng sản xuất tại Nhật Bản, các nguồn máy móc, linh kiện thay thế phong phú từ nước sản xuất, có khả năng cung cấp các dịch vụ sau bán một cách đầy đủ nhất. Bên cạnh đó, với kinh nghiệm và khả năng cung cấp sản phẩm linh hoạt, Công ty có lợi thế trong việc đấu thầu có khả năng thắng thầu các dự án lớn do Chính phủ và các Tổ chức quốc tế World Bank, Jica đầu tư...

Trong 8 tháng đầu năm 2014, Công ty đã tiêu thụ được 03 hệ thống máy cộng hưởng từ tương đương 48,99 tỷ đồng, hệ thống máy chụp cắt lớp tương đương 31,04 tỷ đồng, hệ thống máy siêu âm tương đương 20,74 tỷ đồng, 15 hệ thống máy X-quang tương đương 14,52 tỷ đồng, 43 hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh X-quang kỹ thuật số tương đương 40,78 tỷ đồng, và 66 các loại thiết bị khác tương đương 22,73 tỷ đồng.

Hình ảnh và công dụng các sản phẩm tiêu biểu của Công ty

STT	Sản phẩm	Hình ảnh sản phẩm
I	Nhóm SP Hitachi	
1	Cộng hưởng từ	
	Cộng hưởng từ nam châm siêu dẫn Echelon	
	- Là hệ thống cộng hưởng từ nam châm siêu dẫn-phương pháp tạo từ trường tối ưu nhất trong kỹ thuật chụp cộng hưởng từ nói chung, thời gian chụp nhanh, độ dày lát cắt mỏng (0.05 mm) nên	

STT	Sản phẩm	Hình ảnh sản phẩm
	<p>tạo ra hình ảnh rõ nét.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cường độ từ trường : 1.5 Tesla - Ưu việt trong việc khảo sát hệ thần kinh sọ não, cột sống.... <p>Chụp cộng hưởng từ siêu dẫn giúp chẩn đoán sớm dị tật hệ thần kinh trung ương của thai nhi mà không ảnh hưởng đến sự phát triển của em bé (trong khi đây lại là hạn chế của các hệ thống cộng hưởng từ có từ lực thấp từ 0.2T đến 0.4T; hoặc không thể chẩn đoán bằng chụp CT Scanner hay siêu âm không cho kết quả như mong đợi)</p>	

2 Máy Chụp cắt lớp CT- Scanner

Máy CT- Scanner Scenaria 64 lát

- Là hệ thống chụp CT đa lát cắt hiện đại bậc nhất với các tính năng ưu việt trong việc chẩn đoán mạch vành, tạo hình tim...
- Thời gian chụp nhanh, thu được 64 lát cắt tương ứng với 64 ảnh trong 1 vòng quay.
- Đồng bộ thu nhận tín hiệu với tín hiệu điện tim, phối hợp rất hiệu quả khi chẩn đoán mạch vành.
- Ngoài các chức năng cơ bản như 1 hệ thống CT đa lát, Scenaria được trang bị các phần mềm về mạch rất đa dạng giúp chẩn đoán: chức năng tim, chụp hình tim và động mạch vành,; khảo sát, đánh giá vôi hóa mạch vành, từ đó có thể ngăn ngừa đột quy...



Máy CT- Scanner Scenaria 64 – 128 lát

Chức năng chuẩn đón Bệnh từ chấn thương (đầu, xương khớp, sọ não, cột sống, chân, tay....)

- Bệnh chuyên sâu tim (máy 128 lát)



STT	Sản phẩm	Hình ảnh sản phẩm
-----	----------	-------------------

Máy CT- Scanner Scenaria 8 lát

Chức năng chuẩn đoán Bệnh từ chấn thương (đầu, xương khớp, sọ não, cột sống, chân, tay....)



3

Máy X- quang

3.1 Máy X- quang cao tần Radnext 50

Hệ thống có sự kết hợp giữa tính hiệu quả và độ chính xác cao.

Vận hành dễ dàng giúp cho tạo lên mối quan hệ thân thiết với bệnh nhân.

Màn hình LCD dễ dàng sử dụng, hiển thị với màn hình LED



Máy X- quang tăng sáng truyền hình Populus SO

- Cho hiệu suất cao và vận hành đơn giản, linh hoạt cho phép khả năng ứng dụng rộng rãi trong lâm sàng

- Hình ảnh rõ ràng sắc nét đạt chất lượng cao, thỏa mãn yêu cầu của người sử dụng.

- Hệ thống được tích hợp phần mềm chụp kỹ thuật số, giúp rút ngắn thời gian chụp, nâng cao hiệu quả làm việc.



Máy X- quang di động 130H series

- Máy được thiết kế gọn nhẹ, không sử dụng dây cao áp, hệ thống ắc quy được tích hợp do vậy ko phụ thuộc vào nguồn điện lưới của bệnh viện, thuận tiện trong việc di chuyển máy tới buồng của bệnh nhân. Có thể thao tác chụp ngay cả khi mất điện lưới.

- Tính cơ động cao phục vụ cho các tư thế chụp tại các buồng bệnh

- Đáp ứng được các nhu cầu thăm khám tại giường và cấp cứu.



STT	Sản phẩm	Hình ảnh sản phẩm
4	Siêu âm	

Siêu âm EUB- 7000HV

- Lần đầu tiên hệ thống siêu âm 7000HV được hỗ trợ phần mềm Real-time Tissue Elastography giúp cho việc chẩn đoán khối u được dễ dàng hơn, đặc biệt là chẩn đoán khối u ở ngực.
- Phương pháp chẩn đoán được xây dựng dựa vào sự đàn hồi của các mô và được thể hiện bằng các mảng màu nhằm phân biệt tính chất của các tổ chức mô là cứng hay mềm



II Nhóm sản phẩm Carestream Health KODAK

1 Máy CR 975






- Hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh x-quang kỹ thuật số
- Tốc độ xử lý: 101 cassette/giờ với cỡ 35x43cm
- Có hỗ trợ phần mềm xử lý x-quang mamography với độ phân giải cao
- Màn hình chạm 17 inches
- Cung cấp cassette dài 43x129cm giúp mang lại hình ảnh chụp x-quang toàn diện


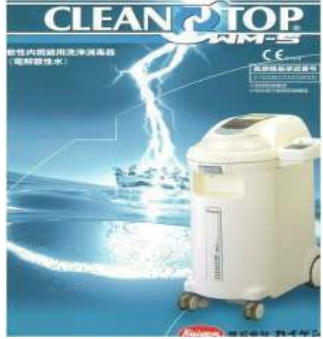



2 Máy CR Elite

- Hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh x-quang kỹ thuật số
- Xử lý hình ảnh với tốc độ cao.
- Cung cấp công cụ tăng cường chất lượng hình ảnh cho chất lượng hình ảnh x-quang đạt hiệu quả cao



STT	Sản phẩm	Hình ảnh sản phẩm
3	<p>Máy CR POC360</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh x-quang kỹ thuật số nhỏ gọn và tiện ích với chi phí đầu tư hợp lý -Tốc độ xử lý phù hợp với các bệnh viện quy mô nhỏ. 	
4	<p>Máy DR chụp răng: KODAK 9500 và 9000C 3D</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hệ thống chụp và xử lý hình ảnh x-quang răng toàn ảnh tái tạo 3D 	
5	<p>Máy DR X1</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh x-quang kỹ thuật số không dây, sử dụng công nghệ Flat panel cho chất lượng hình ảnh sắc nét và thời gian chụp, xử lý nhanh, khoảng 17 giây -Kích thước tấm Detector phù hợp với kích cỡ khay chứa cassette của các loại x-quang thường quy là 35x43cm -Trọng lượng nhẹ dễ dàng thao tác khi chuyển đổi bộ phận chụp.Pin sạc có công suất lớn 	
<p>III Nhóm sản phẩm Fuji</p>		
1	<p>Máy CR Profect CS</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thiết bị đọc dữ liệu x-quang kỹ thuật số với 4 khe đọc có tích hợp phần mềm xử lý hình ảnh chụp ngực. -Tốc độ xử lý cao. 	
2	<p>Máy CR Casula XLII</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hệ thống đọc và xử lý hình ảnh x-quang kỹ thuật số với 1 khe đọc, gọn nhẹ và tiết kiệm không gian lắp đặt -Tốc độ xử lý hiệu quả 	

STT	Sản phẩm	Hình ảnh sản phẩm
IV	Nhóm sản phẩm thận Toray Medical	
1	<p>Máy chạy thận TR 3000Mirai, TR- FX, TR-8000"YUGA"</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với công nghệ tiên tiến của tập đoàn Toray sẽ mang đến sự thoải mái cho người bệnh và thao tác vận hành đơn giản cho người sử dụng máy thận Toray TR-3000 Mirai, Toray TR-FX và Toray TR-8000 "YUGA" <p>Mục đích của việc chạy thận nhân tạo là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài tiết các chất cặn bã và chất độc đối với cơ thể đối với các bệnh nhân suy thận. -Điều hòa các thành phần trong máu. -Điều hòa huyết áp. 	
V	Nhóm sản phẩm Kaigen	
1	<p>Máy rửa dây nội soi Cleantop</p> <ul style="list-style-type: none"> -Máy làm sạch dây nội soi mềm bằng phương pháp sử dụng dung dịch điện phân -Khắc phục nhược điểm của phương pháp rửa thủ công thông thường (ngâm dây nội soi vào dung dịch hóa chất, rồi rửa bằng tay, không diệt khuẩn hoàn toàn và mất nhiều thời gian): có khả năng diệt khuẩn 100%, với thời gian ngắn. 	
VI	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	
1	<p>Biolis 24i Premium</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hỗ trợ việc điều trị được dễ dàng và tăng hiệu quả xét nghiệm, -Đem đến giải pháp tối ưu trong điều trị thông thường, -Điều trị STAT và đáp ứng yêu cầu mở rộng phân tích lâm sàng. -Cung cấp các chức năng mới tiện lợi, như kiểm tra kết quả định cỡ không tương thích bằng chỉ số được báo hiệu trong việc đối chiếu với các kết quả trước đó, và có khả năng sử dụng nhiều mẫu thử giống nhau trong cùng 	

STT	Sản phẩm	Hình ảnh sản phẩm
	khay -Tốc độ xử lý: 240 test/h	
2	Biolis 12i -Là máy xét nghiệm sinh hóa tự động nhỏ gọn, kết quả có trong vòng 15 phút kể từ thời điểm lấy được mẫu thử -Tốc độ xử lý: 120 test/h	
VII Các Thiết bị phụ trợ		
1	Máy in phim KODAK: Laser DV5850, 5800, 6800,... -Là thiết bị không thể thiếu cho các Thiết bị chẩn đoán hình ảnh như Máy Cộng hưởng từ, máy CT- Scanner, Máy X- quang, X- quang số hóa, Với những tính năng vượt trội, thời gian in nhanh, cho ra hình ảnh (phim chụp) rõ nét phục vụ cho công tác chẩn đoán bệnh của các y các sỹ.	Máy in DV6800 Mávin DV5850 
2	Máy in phim FUJI: Drypix 4000, Drypix 7000,... -Tương tự như máy in của KODAK, các sản phẩm của Fuji cũng cho chất lượng hình ảnh đẹp, giá cả cũng rất cạnh tranh.	
3	Máy bơm thuốc cân quang Nemoto: A60, bơm cân từ -Bơm cân quang dùng cho Máy CT- Scanner, máy bơm cân từ dùng cho Máy Cộng hưởng từ phục vụ cho việc chụp CT- Scanner đối với những bệnh nhân có khối u.	Bơm cân từ Bơm cân quang 
VIII Hệ thống xử lý nước thải sinh học		

Hệ thống xử lý nước thải sinh học màng MBR (Membrane Bio-Reator) là công nghệ xử lý nước thải kết hợp giữa 2 quá trình: quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học (các quá trình xử lý sinh học cơ bản Anaerobic-Anoxic-Oxic: yếm khí, thiếu khí và hiếu khí) với quá trình lọc màng để tách sinh khối, cặn lơ lửng nhờ đó mà các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (nitơ, photpho) trong nước thải được xử lý triệt để hơn.



Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế đa dạng, với đủ các công suất khác nhau đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng.(100m³,250m³, 500m³, 750m³...).

IX Máy phân tích sinh hóa tự động

BIOLIS 15i neo

- Không cần hiệu chỉnh, chất lượng cao và hiệu suất cao.
- Màn hình cảm ứng màu cho phép thao tác dễ dàng hơn.
- Có 2 kích thước của barcode cho hệ thống đóng
- Tự động khởi động
- Kết nối trực tuyến với Hệ thống thông tin phòng xét nghiệm
- Bộ phận Điện giải ISE (Tùy chọn)



6.1.2 Kinh doanh vật tư tiêu hao cho các thiết bị y tế

Song song với việc cung cấp trang thiết bị y tế hiện đại, Công ty còn cung cấp các vật tư tiêu hao đi kèm phục vụ cho quá trình vận hành, bảo trì các sản phẩm do Công ty cung cấp bao gồm các loại vật tư, linh kiện cho các sản phẩm máy chạy thận, phim laser, phim analog, thuốc rửa phim cho các máy chụp X-quang....

Đây là nguồn doanh thu rất ổn định và luôn có sự tăng trưởng bền vững do các thiết bị chính hãng do Công ty cung cấp chỉ có thể sử dụng các loại vật tư chính hãng đi kèm và Công ty cũng là đầu mối duy nhất cung cấp các vật tư của các hãng này vào thị trường Việt Nam.

STT	Sản phẩm	Hình ảnh sản phẩm
I	Vật tư tiêu hao KODAK	

1 Các loại phim của KODAK

- Công ty cung cấp 2 dòng phim DVB và MXG của KODAK cho tất cả các thiết bị Chẩn đoán hình ảnh như máy X- quang số hóa, máy XQ thường, Máy Cộng hưởng từ, CT- Scanner, Máy chụp răng, chụp vú,



2 Các sản phẩm thuốc rửa phim của KODAK

- Song song với việc cung cấp phim MXG cho các Thiết bị chẩn đoán hình ảnh rửa phim bằng hóa chất, Công ty cung cấp thêm trọn bộ cả thuốc rửa phim.



II Vật tư thận

1 Quả lọc thận

- Có chức năng lọc các chất cặn bã cho thận.



2 Dây truyền máu, kim truyền



III Vật tư Fuji

1 Phim Fuji:

- Phim Fuji là một trong những sản phẩm vật tư tiêu hao được sử dụng nhiều trong lĩnh vực y tế với giá cả cạnh tranh, chất lượng tốt



6.1.3 Đầu tư bệnh viện, cho thuê, đầu tư thiết bị Y tế liên doanh liên kết tại các bệnh viện

Doanh thu từ hoạt động đầu tư liên doanh liên kết và cho thuê các Thiết bị y tế đặt tại các bệnh viện chiếm khoảng 16% tổng doanh thu của Công ty trong năm 2013. Hoạt động liên kết được thực hiện qua hình thức Công ty đầu tư máy, các bệnh viện đầu tư địa điểm, hạ tầng giường bệnh... Địa điểm đầu tư thường đặt ngay trong khuôn viên các bệnh viện để tiện cho việc khám chữa bệnh của bệnh nhân. Với kinh nghiệm lâu năm trong ngành, Công ty hiện đã liên kết được với hơn 100 bệnh viện hàng đầu trên cả nước tại các tỉnh thành Hà Nội, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Ninh Bình, Hồ Chí Minh... để đặt các máy cho thuê và liên kết đầu tư. Ngoài ra, Công ty còn tự tổ chức đầu tư các bệnh viện, đầu tư trang thiết bị máy móc kỹ thuật cao để tổ chức khám và chữa bệnh.

Với lợi thế là nhà phân phối đầu mối, địa điểm đầu tư thuận lợi, chi phí đầu tư ban đầu của Công ty được giảm thiểu, thời gian thu hồi vốn nhanh và ổn định. Đây là hướng đi đúng đắn và là nguồn thu nhập ổn định của Công ty khi nhu cầu khám chữa bệnh kỹ thuật cao hiện nay tại Việt Nam là rất lớn, trong khi trang thiết bị y tế hiện nay còn thiếu, chưa đồng bộ và lạc hậu so với các nước trong khu vực và không đáp ứng được nhu cầu chữa bệnh của nhân dân. Hầu hết trang thiết bị y tế đang sử dụng tại các cơ sở y tế chưa được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa, không đủ nguồn vốn để đầu tư và đổi mới, nhiều địa phương không có đủ kinh phí để mua vật tư tiêu hao. Trình độ của đội ngũ cán bộ chuyên môn y tế chưa đủ để khai thác hết công suất trang thiết bị hiện có.

Danh sách các dự án liên kết lớn tại các bệnh viện của Công ty tính đến hết tháng 9 năm 2014:

STT	Tên máy	Tên bệnh viện	Tỉnh	Thời gian liên kết (năm)
I	Máy CT			
1	Máy CT	Bệnh viện Đa Khoa KV Bắc Quảng Bình	Quảng Bình	5
2	Máy CT	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	5
3	Máy CT	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	5
4	Máy CT	Bệnh viện Bình Dân	TP HCM	5
5	Máy CT	Bệnh viện 74 Trung Ương	Vĩnh Phúc	5
6	Máy CT	Bệnh viện Đa Khoa Tỉnh Hà Giang	Hà Giang	10
7	Máy CT	Bệnh viện Mắt Trung Ương	Hà Nội	5
8	Máy CT	Bệnh viện Mê Linh - Phúc Yên	Phúc Yên	4
9	Máy CT	Bệnh viện Thái Bình	Thái Bình	5
10	Máy CT	Bệnh viện Tai Mũi Họng Cần Thơ	Cần Thơ	5
11	Máy CT	Bệnh viện Đa khoa Huyện Đô Lương	Nghệ An	5
12	Máy CT	Bệnh viện Đa khoa Khu Vực Hồng Ngự	Đồng Tháp	5

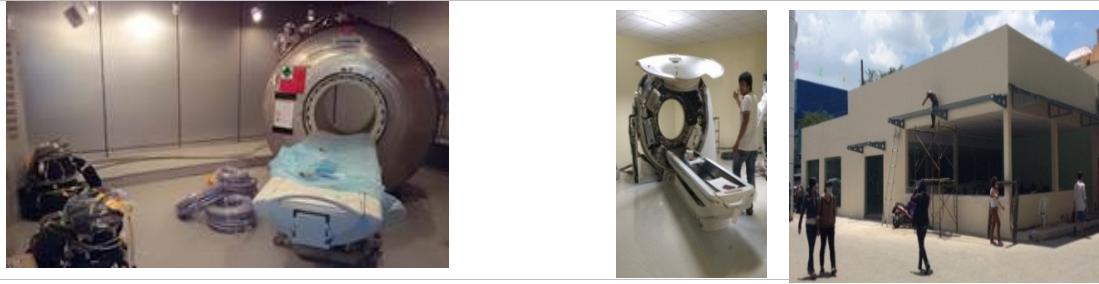
STT	Tên máy	Tên bệnh viện	Tỉnh	Thời gian liên kết (năm)
13	Máy CT	TTYT Mạo Khê	Quảng Ninh	5
14	Máy CT	Bệnh viện Nam Thăng Long	Hà Nội	8
15	Máy CT	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng	Hải Phòng	5
16	Máy CT	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng	Hải Phòng	7
17	Máy CT	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng	Hải Phòng	8
18	Máy CT	Bệnh viện Nông Nghiệp	Hà Nội	5
19	Máy CT	Bệnh viện Đa khoa Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	6
20	Máy CT	Bệnh Viện E	Hà Nội	
21	Máy CT	Bệnh viện Đa khoa Huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	5
22	Máy CT	Bệnh viện Đa khoa Huyện Kỳ Anh	Hà Tĩnh	4
23	Máy CT	Bệnh viện Đa khoa Khu Vực Tây Bắc Nghệ An	Nghệ An	5
24	Máy CT	Bệnh viện Đa khoa Huyện Hạ Hòa	Phú Thọ	5
25	Máy CT	Bệnh viện Đa khoa Huyện Hải Hậu	Nam Định	5
26	Máy CT	Bệnh viện Đa khoa Huyện Nghi Lộc - Nghệ An	Nghệ An	5
27	Máy CT	Cty CP Thiết Bị Vật Tư Y Tế Thanh Hóa	Thanh Hóa	ký từng năm
28	Máy CT	Bệnh viện Đa khoa Huyện Chí Linh	Hải Dương	5
29	Máy CT	Bệnh viện Đa khoa Huyện Kim Thành	Hải Dương	5
30	Máy CT	Bệnh viện Đa khoa Sadec	Đồng Tháp	5
31	Máy CT	Bệnh viện Mắt TP.HCM	TP HCM	5
32	Máy CT	Bệnh viện tâm thần tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	5
33	Máy CT	Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả	Quảng Ninh	5
34	Máy CT	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	Hà Giang	5
35	Máy CT	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển Uông Bí	Quảng Ninh	10
36	Máy CT	Bệnh viện đa khoa Huyện Quỳnh Lưu	Nghệ An	5
37	Máy CT	Bệnh viện đa khoa tư nhân Lâm Hoa	Thái Bình	5

STT	Tên máy	Tên bệnh viện	Tỉnh	Thời gian liên kết (năm)
38	Máy CT	Bệnh viện đa khoa Cái Bè	Tiền Giang	5
39	Máy CT	Bệnh viện đa khoa thành phố Thái Bình	Thái Bình	5
40	Máy CT	Beệnh viện đa khoa Phố Nối	Hưng Yên	5
41	Máy CT	Beệnh viện đa khoa huyện Phú Bình	Thái Nguyên	5
42	Máy CT	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Nam Cu Ba - Đồng Hới	Quảng Bình	7
43	Máy CT	Bệnh viện Tim	Hà Nội	10
44	Máy CT	Bệnh viện Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	10
45	Máy CT	Bệnh viện đa khoa Thanh Sơn	Phú Thọ	5
II	Máy CR			
1	Máy CR	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	5
2	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Bồ Trạch	Quảng Bình	5
3	Máy CR	Bệnh viện ĐH Y Hải Phòng	Hải Phòng	5
4	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Ninh Giang - Hải Dương	Hải Dương	7
5	Máy CR	Bệnh viện Mê Linh - Phúc Yên	Phúc Yên	4
6	Máy CR	Bệnh viện Thái Bình	Thái Bình	5
7	Máy CR	Bệnh viện Thống Nhất	TP HCM	5
8	Máy CR	Bệnh viện Thủy Nguyên Hải Phòng	Hải Phòng	5
9	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Đô Lương	Nghệ An	5
10	Máy CR	Bệnh viện Lao và Phổi Hải Phòng	Hải Phòng	5
11	Máy CR	TTYT Mạo Khê	Quảng Ninh	5
12	Máy CR	Bệnh viện Trảng An	Hà Nội	3
13	Máy CR	Bệnh viện K	Hà Nội	5
14	Máy CR	Bệnh viện K cơ sở II	Hà Nội	5
15	Máy CR	Bệnh viện Việt Đức	Hà Nội	6
16	Máy CR	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng	Hải Phòng	5
17	Máy CR	Bệnh viện Nông Nghiệp	Hà Nội	7
18	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Bắc Ninh	Bắc Ninh	5
19	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Tam Nông	Phú Thọ	5
20	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Thạch Hà	Hà Tĩnh	5
21	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	5
22	Máy CR	Bệnh viện Lao Phổi Nghệ An	Nghệ An	5
23	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Thanh	Phú Thọ	5

STT	Tên máy	Tên bệnh viện	Tỉnh	Thời gian liên kết (năm)
		Ba		
24	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	5
25	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Khu Vực Tây Bắc Nghệ An	Nghệ An	5
26	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Diễn Châu	Nghệ An	5
27	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Nghi Lộc - Nghệ An	Nghệ An	5
28	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Tân Kỳ	Nghệ An	5
29	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Nam Đàn	Nghệ An	5
30	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Hưng Nguyên	Nghệ An	5
31	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Yên Thành	Nghệ An	5
32	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Khu Vực Ninh Hòa	Khánh Hòa	5
33	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Việt Yên	Bắc Giang	5
34	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Huyện Thanh Chương	Nghệ An	5
35	Máy CR	Bệnh viện tâm thần tỉnh Phú Thọ	Phú Thọ	5
36	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa thị xã Cửa Lò	Nghệ An	5
37	Máy CR	Bệnh viện Tâm thần TW2	Đồng Nai	10
38	Máy CR	Bệnh viện đa khoa tỉnh Biên Hòa	Đồng Nai	6
39	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Quận Hồng Bàng	Hải Phòng	5
40	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa Quận Lê Chân	Hải Phòng	5
41	Máy CR	Bệnh viện Đa khoa huyện Hương Khê	Hà Tĩnh	5
42	Máy CR	Bệnh viện đa khoa huyện Phú Bình	Phú thọ	5
43	Máy CR	Bệnh viện Hưng Hà	Thái Bình	5
III	Máy Cộng hưởng từ			
1	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện 103	Hà Nội	6
2	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	7
3	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện Thái Bình	Thái Bình	5
4	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	10
5	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện Y Học Cổ Truyền	Hà Nội	10

STT	Tên máy	Tên bệnh viện	Tỉnh	Thời gian liên kết (năm)
6	Máy Cộng hưởng từ	Phòng khám Đa khoa Đức Minh	Hà Giang	5
7	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Trị	Quảng Trị	5
8	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện đa khoa tỉnh Tuyên Quang	Tuyên Quang	5
9	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển Uông Bí	Quảng Ninh	10
10	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh Viện Trung Vương	TP HCM	10
11	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện Đa khoa Bãi Cháy	Quảng Ninh	6
12	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện Mê Linh - Phúc Yên	Phúc Yên	7
13	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện Kiến An	Hải Phòng	10
14	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện Đa khoa trung tâm An Giang	An Giang	5
15	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện Bắc giang	Bắc Giang	8
16	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện Hưng Yên	Hưng Yên	8
17	Máy Cộng hưởng từ	Bệnh viện C Thái Nguyên	Thái Nguyên	5
IV	Máy khác			
1	Phaco	Bệnh viện Thái Bình	Thái Bình	5
2	Máy chạy thận	Bệnh viện Y Học Cổ Truyền	Hà Nội	10
3	Máy nội soi	Khoa tiêu hóa - Bệnh viện Bạch Mai	Hà Nội	3

Do tình trạng quá tải tại các khoa chuẩn đoán hình ảnh tại bệnh viện công. JVC đã thực hiện mở trung tâm y tế kỹ thuật cao trong khuôn viên các Bệnh viện 115, Gia Định, 7A để giải quyết quá trình quá tải. Hình ảnh các trung tâm y tế kỹ thuật cao như sau:



6.1.4 Kinh doanh dịch vụ khám bệnh lưu động và các dịch vụ khác

Từ năm 2007, Công ty đã đưa vào khai thác, vận hành hệ thống xe khám bệnh lưu động tại Việt Nam gồm 11 xe chuyên dụng, được Bộ Y tế cấp phép lưu hành sử dụng. Dịch vụ xe khám lưu động trọn gói nhắm vào các gói khám sức khỏe cho các đối tượng khách hàng là các Công ty Nhật Bản có nhà máy đặt tại các khu công nghiệp trên cả nước.

Dịch vụ khám lưu động có doanh thu năm 2013 tăng trưởng 42% so với năm 2012 do số lượng khách Nhật tăng mạnh. Hiện nay 80% khách hàng của dịch vụ trên là khách Nhật.

Dịch vụ khám bệnh lưu động cùng các dịch vụ khác bao gồm bảo hành, bảo trì thiết bị y tế chiếm khoảng 2% tổng doanh thu của Công ty năm 2013. Tuy tỷ trọng của loại hình dịch vụ này không cao trong tổng doanh thu, nhưng là rất cần thiết trong việc quảng bá hình ảnh và các sản phẩm của Công ty đang phân phối. Bên cạnh đó, với chi phí thực hiện thấp cũng là một hướng phát triển đón đầu trong tương lai khi thu nhập của người dân ngày các tăng, nhu cầu khám chữa bệnh kỹ thuật cao, chất lượng tốt, tiện lợi mà các cơ sở y tế công lập đang trở nên quá tải.

Trong năm 2013, JVC đã đầu tư thêm xe khám lưu động, nâng tổng số xe lên 30 chiếc vào đầu năm 2014. Hiện tại khách hàng chủ yếu của Công ty là các doanh nghiệp FDI trong khu công nghiệp, với số lượng công nhân lớn và nhu cầu khám sức khỏe bắt buộc hàng năm. Ngoài ra Công ty còn triển khai xúc tiến khám chữa bệnh cho các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là Dự án phòng chống lao toàn cầu đã khám 64 tỉnh thành trên cả nước.

Sắp tới, Công ty sẽ đầu tư mô hình xe Công-ten-nơ di động đặt tại các khu công nghiệp thay vì xe buýt di động.

Ảnh minh họa Công-ten – nơ di động đặt tại các khu công nghiệp do Việt Nhật đầu tư



Nội thất trong Công - ten - nơ:



Dịch vụ bảo trì sau bán hàng tăng 9%, do chất lượng tốt và ổn định, do vậy mang lại doanh thu ổn định cho Công ty.

6.2 Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận từng nhóm sản phẩm qua các năm

6.2.1. Cơ cấu doanh thu qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Doanh thu	Thực hiện 2012		Thực hiện 2013		6 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Kinh doanh thiết bị y tế và vật tư tiêu hao	665.607,00	87,38	477.890,00	80,45	253.079,00	80,19
Đầu tư, liên doanh liên kết	85.770,00	11,26	96.976,00	16,32	58.287,00	18,47
Khám bệnh lưu động và dịch vụ khác	10.362,00	1,36	19.190,00	3,23	4.225,00	1,34
Tổng cộng	761.739,00	100,00	594.056,00	100,00	315.591,00	100,00

Nguồn: JVC

5.2.2. Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lợi nhuận	Thực hiện 2012		Thực hiện 2013		6 tháng đầu năm 2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Kinh doanh thiết bị y tế và vật tư tiêu hao	261.292,00	87,10	129.776,00	74,47	62.057,00	68,99
Đầu tư, liên doanh liên kết	34.342,00	11,45	30.016,00	17,22	24.930,00	27,71
Khám bệnh lưu động và dịch vụ khác	4.345,00	1,45	14.473,00	8,31	2.970,00	3,30
Tổng cộng	299.979,00	100,00	174.265,00	100,00	89.957,00	100,00

Nguồn: JVC

6.3. Nguyên vật liệu

6.3.1. Nguồn nguyên vật liệu

Đặc thù của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực thương mại, không phải là đơn vị sản xuất nên không có nguồn nguyên liệu đầu vào. Tuy nhiên có thể hiểu, nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chính là các trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao mà Công ty nhập khẩu từ các Tập đoàn, các hãng sản xuất thiết bị y tế nước ngoài. Thiết bị máy móc của Công ty chủ yếu nhập khẩu từ Nhật Bản từ hãng Hitachi, và các quốc gia có trình độ cao về thiết bị y tế như

Mỹ, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan...

Bảng: Tỷ trọng Nhập khẩu từ các nước giai đoạn 30/06/2013 - 30/06/2014

Stt	Nước Nhập khẩu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng
1	Nhật Bản	344.146	93.54%
3	Mỹ	16.192	4.40%
4	Hàn Quốc	1.507	0.41%
5	Ấn Độ	102	0.03%
6	Đài Loan	60	0.17%
7	Hà Lan	5.333	1.45%
	Tổng cộng	367.928	100%

Nguồn: JVC

6.3.2. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Công ty là đại diện độc quyền, nhà phân phối chính thức của các Tập đoàn thiết bị y tế hàng đầu thế giới như Hitachi – Nhật Bản, Carestream Kodax, Toray, Fuji... Do đó nguồn cung các sản phẩm này hoàn toàn đảm bảo về thời gian, sự ổn định cũng như chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế.

6.3.3. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận

Thiết bị y tế do Công ty cung cấp đều là những sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao, trong nước chưa thể sản xuất, có giá trị lớn và rất thiết yếu trong hoạt động chẩn đoán, khám chữa bệnh, nên việc tiêu thụ các mặt hàng này ít có sự co giãn theo giá.

Bên cạnh đó, Công ty là nhà phân phối, đại lý độc quyền của tại Việt Nam nên chính sách nhập khẩu mà các hãng áp dụng cũng có nhiều ưu đãi. Do vậy, giá cả đầu vào là một trong những lợi thế của Công ty để cạnh tranh trên thị trường Việt Nam.

6.4. Chi phí sản xuất kinh doanh

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty trong các năm gần đây được thể hiện trong bảng sau:

STT	Yếu tố chi phí	Thực hiện 2012		Thực hiện 2013		6 tháng đầu năm 2014	
		Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu thuần	Giá trị (triệu đồng)	% Doanh thu thuần
1	Giá vốn hàng bán	461.759,89	60,62	419.791,50	70,67	225.633,75	71,50

2	Chi phí tài chính	41.845,59	5,49	54.422,27	9,16	23.330,86	7,39
3	Chi phí bán hàng	6.155,98	0,81	4.319,83	0,73	2.154,46	0,68
4	Chi phí quản lý DN	27.595,18	3,62	34.076,07	5,74	19.297,33	6,11
5	Chi phí khác	741,19	0,10	27.812,91	4,68	12.581,16	3,99
	Tổng cộng	538.097,83	70,64	540.422,58	90,97	282.997,56	89,67

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 đã soát xét của JVC

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại nên Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí của Công ty. Những thay đổi đột ngột về chính sách trong năm 2013 dẫn đến việc doanh thu mảng kinh doanh thiết bị và đầu tư liên kết giảm mạnh trong năm 2013 và quý I năm 2014 nên tỷ trọng các khoản mục chi phí trên doanh thu thuần năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 tăng cao hơn so với của năm 2012. Tỷ trọng Giá vốn/DTT tăng từ 60,62% năm 2012 lên 70,67% năm 2013 và 71,50% năm trong 6 tháng đầu năm 2014. Chi phí tài chính tăng từ 5,49% năm 2012 lên đến 9,16% năm 2013 và giảm xuống còn 7,39% trong 6 tháng đầu năm 2014. Chi phí quản lý tăng từ 3,62% năm 2012 lên đến 5,74% năm 2013 và 6,11% trong 6 tháng đầu năm 2014. Chi phí khác tăng từ 0,10% năm 2012 lên 4,68% năm 2013 và giảm xuống còn 3,99% trong 6 tháng đầu năm 2014.

Tính đến 8 tháng đầu năm 2014, giá vốn hàng bán của Công ty mẹ là 293,27 tỷ đồng, bằng 74,80% doanh thu thuần, chi phí tài chính là 27,28 tỷ đồng, chi phí bán hàng là 2,63 tỷ đồng, chi phí quản lý DN là 22,30 tỷ đồng, chi phí khác là 32,56 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng trên doanh thu thuần lần lượt là 6,96%, 0,67%, 5,69% và 8,31%.

6.5. Trình độ công nghệ

Công nghệ máy móc thiết bị của Công ty đều do các Hãng thiết bị y tế hàng đầu cung cấp gồm có tập đoàn Hitachi – Nhật Bản tại Việt Nam và là nhà phân phối chính thức cho các tập đoàn Carestream Kodax, Toray, Fuji... chuyên cung cấp các dòng sản phẩm thiết bị y tế công nghệ cao như máy cộng hưởng từ (MRI), máy chụp cắt lớp vi tính (CT-scanner system), máy X-quang (X-ray system), máy siêu âm (Ultrasound-scanner system), hệ thống chụp X-quang số, máy chạy thận nhân tạo, máy xét nghiệm huyết học, máy mổ tạt khúc xạ, máy mổ đục thủy tinh thể... được nhập từ các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore.

Công ty là đơn vị luôn đi tiên phong trong việc ứng dụng các Trang thiết bị y tế tiên tiến nhất trên thế giới trong công tác chẩn đoán, khám chữa bệnh tại Việt Nam. Các trang thiết bị y tế do Công ty cung cấp đều là các model hiện đại, đang được sử dụng tại Châu Âu, Mỹ...

Cán bộ kỹ thuật, kỹ sư trong Công ty đều được đào tạo bởi chính các hãng cung cấp thiết bị, luôn được cập nhật những kiến thức, công nghệ mới nhất để có thể vận hành, quản lý cũng như xử lý các sự cố của các thiết bị do Công ty cung cấp.

6.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công nghệ máy móc thiết bị của Công ty đều do các Hãng thiết bị y tế hàng đầu cung cấp gồm có tập đoàn Hitachi – Nhật Bản tại Việt Nam và là nhà phân phối chính thức cho các tập đoàn Carestream Kodax, Toray, Fuji... chuyên cung cấp các dòng sản phẩm thiết bị y tế công nghệ cao như máy cộng hưởng từ (MRI), máy chụp cắt lớp vi tính (CT-scanner system), máy X-quang (X-ray system), máy siêu âm (Ultrasound-scanner system), hệ thống chụp X-quang số, máy chạy thận nhân tạo, máy xét nghiệm huyết học, máy mổ tạt khúc xạ, máy mổ đục thủy tinh thể... được nhập từ các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore.

Công ty là đơn vị luôn đi tiên phong trong việc ứng dụng các Trang thiết bị y tế tiên tiến nhất

trên thế giới trong công tác chẩn đoán, khám chữa bệnh tại Việt Nam. Các trang thiết bị y tế do Công ty cung cấp đều là các model hiện đại, đang được sử dụng tại Châu Âu, Mỹ...

Cán bộ kỹ thuật, kỹ sư trong Công ty đều được đào tạo bởi chính các hãng cung cấp thiết bị, luôn được cập nhật những kiến thức, công nghệ mới nhất để có thể vận hành, quản lý cũng như xử lý các sự cố của các thiết bị do Công ty cung cấp.

Ngoài định hướng phát triển các sản phẩm mới như Trung tâm kỹ thuật cao, Tổng thầu vật tư tiêu hao (SPD), JVC còn đang trong giai đoạn nghiên cứu khả thi định hướng phát triển chuỗi trung tâm xét nghiệm (outsourcing testing service) hợp tác với chuỗi bệnh viện và hệ thống xét nghiệm Nhật.

6.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty được thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ giữa Công ty và các chuyên gia tại các trung tâm y tế, bệnh viện thông qua các đề tài nghiên cứu. Bên cạnh đó, việc tổ chức các buổi hội thảo khoa học cũng được Công ty đặc biệt chú trọng.

6.7.1. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

❖ Hệ thống quản lý chất lượng Công ty yêu cầu đối với các sản phẩm của mình

Các sản phẩm của Công ty đều được tuân thủ chặt chẽ, nghiêm ngặt về các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định Quốc tế và cả Việt Nam bao gồm:

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 hay ISO 9001 là một trong những bộ tiêu chuẩn ISO 9000. Hệ thống này đặt ra những yêu cầu mà khi một tổ chức thiết kế, phát triển, sản xuất, lắp đặt hay phục vụ cho bất kỳ một sản phẩm nào hoặc cung cấp bất kỳ kiểu dịch vụ nào muốn áp dụng để nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ của mình... Các nhà sản xuất thiết bị y tế cung cấp cho Việt Nhật đều có các chứng chỉ này cho các sản phẩm của mình.

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 14001: là tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý môi trường (EMS), hiện nay EMS được sử dụng một cách rộng rãi nhất trên thế giới. ISO14001 là tiêu chuẩn hệ thống quản lý chính được định rõ các yêu cầu cho việc hình thành và duy trì hệ thống EMS. Có 3 cam kết cơ bản được yêu cầu trong chính sách môi trường đáp ứng các yêu cầu của ISO 14001. Những cam kết này bao gồm:

- Ngăn ngừa ô nhiễm
- Phù hợp với pháp luật
- Cải tiến liên tục hệ thống EMS

Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485: được dựa trên cách tiếp cận quá trình của ISO 9001:2008 và là một hệ thống quản lý được phát triển riêng biệt cho hệ thống của thiết bị y tế. Mục đích chính của tiêu chuẩn này để thích hợp với những yêu cầu pháp định.

Tiêu chuẩn bao gồm các yêu cầu cụ thể cho sản xuất, lắp đặt và dịch vụ và sự cần thiết cho:

- Việc áp dụng của hệ thống quản lý chất lượng với những nâng cao
- Quản lý rủi ro tiếp cận với việc phát triển sản phẩm và tạo sản phẩm.

- Thẩm định các quá trình
- Phù hợp với các yêu cầu và qui định pháp lý.

Hệ thống thu hồi và nguồn gốc sản phẩm có hiệu quả ISO 13485 bao gồm các yêu cầu cần thiết cho hoạt động của bất kỳ tổ chức nào tại bất cứ phần nào của thiết bị y tế và chuỗi cung ứng được phẩm. Tiêu chuẩn này liên quan đặc biệt đến các nhà sản xuất mong muốn chứng minh các yêu cầu pháp lý áp dụng và bởi tổ chức có các dịch vụ hỗ trợ các nhà sản xuất thiết bị y tế.

Tiêu chuẩn CE: CE Marking (đôi khi còn được gọi là CE Mark) là nhãn hàng bắt buộc cho đa số hàng hoá (khoảng 70%) được bán trên thị trường Liên minh Châu Âu, đồng thời nó cũng được coi như "Giấy thông hành thương mại đến Châu Âu" cho các sản phẩm không phải do EU sản xuất. 23 nhóm mặt hàng có thể cần đến CE Marking, trong đó có 3 nhóm hàng thiết bị y tế là Thiết bị y tế nói chung, Thiết bị y tế có thể cấy ghép động, Thiết bị y tế chẩn đoán ống nghiệm. Các mặt hàng Công ty nhập khẩu từ các nhà sản xuất Châu Âu và đáp ứng được tiêu chuẩn này.

Tiêu chuẩn FDA: là tiêu chuẩn do cơ quan quản lý dược phẩm và thực phẩm Mỹ cấp cho các nhà sản xuất các thiết bị y tế, vật tư y tế. Hiện nay, các mặt hàng Công ty nhập từ các nhà sản xuất Hoa Kỳ đều có các chứng chỉ tiêu chuẩn chất lượng này.

Chứng nhận CO: Chứng nhận nguồn gốc xuất xứ do Phòng Thương mại của nước xuất khẩu cấp. Tất cả các sản phẩm nhập khẩu của Công ty đều có chứng nhận này.

Chứng nhận CQ: Chứng nhận chất lượng do Nhà sản xuất cung cấp. Tất cả các sản phẩm nhập khẩu của Công ty đều có chứng nhận này.

Ngoài những chứng chỉ, tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật được áp dụng trên toàn thế giới, một số sản phẩm của Công ty sau khi nhập khẩu về Việt Nam, còn được áp dụng theo tiêu chuẩn trong nước như Máy CT- Scanner, X- quang được Viện Trang thiết bị và Công trình y tế cấp phép về An toàn bức xạ.

❖ *Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty.*

Việc kiểm tra chất lượng các sản phẩm đáp ứng theo các tiêu chuẩn của Nhà cung cấp và theo quy định trong hợp đồng được thực hiện bởi bộ phận kinh doanh và kỹ thuật của Công ty trước khi sản phẩm được giao và lắp đặt đến cho khách hàng.

Sản phẩm của Công ty được nhập trực tiếp từ chính hãng nên chất lượng sản phẩm luôn đáp ứng yêu cầu, việc kiểm tra chất lượng sản phẩm của Công ty đều được thực hiện chính xác, thuận lợi và đầy đủ, đảm bảo lợi ích tốt nhất của khách hàng.

Bên cạnh đó, bộ phận kỹ thuật, kỹ sư của Công ty được đào tạo bài bản từ chính các nhà cung cấp, có khả năng sửa chữa thay thế và ứng phó các sự cố của thiết bị trong quá trình vận hành. Các sản phẩm do Công ty cung cấp đều được hưởng chế độ bảo hành bảo trì, thay thế linh kiện từ chính hãng, với chi phí phát sinh thấp.

6.8 Hoạt động Marketing

Nhận thức được tầm quan trọng của chính sách marketing đối với chiến lược phát triển chung của Công ty, Công ty luôn chú trọng áp dụng các biện pháp marketing cụ thể phù hợp với điều kiện của Công ty và tình hình thị trường.

❖ *Chiến lược quảng bá thương hiệu*

Do đặc tính sản phẩm của Công ty liên quan đến chăm sóc sức khỏe, y tế, các sản phẩm của Công ty đều là các sản phẩm tiên tiến, công nghệ cao nhằm đáp ứng nhu cầu chữa bệnh thiết yếu. Do đó, các đối tượng khách hàng Công ty hướng tới là các Bệnh viện tuyến TW, địa phương, các bệnh viện tư nhân, các chương trình quốc gia, các tổ chức phi chính phủ... Để tiết kiệm chi phí và tăng hiệu quả của hoạt động marketing, công tác quảng bá sản phẩm được Công ty thực hiện tập trung thông qua các hình thức Quảng bá sản phẩm, giới thiệu về Công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Internet, trang web Công ty, báo ngành y tế. Bên cạnh đó Công ty còn tổ chức tài trợ cho các buổi hội thảo khoa học, tham gia triển lãm sản phẩm, tài trợ tại các Triển lãm thiết bị Y tế thường niên trong và ngoài nước bao gồm: mở các cuộc hội thảo riêng của Công ty, khai trương xe khám, tham gia Hội nghị Chẩn đoán hình ảnh của Bộ Y tế, tham gia triển lãm Y dược thường niên của Bộ Y tế,

❖ *Chiến lược phân phối*

75% sản phẩm của Công ty được tiêu thụ qua kênh bán hàng trực tiếp thông qua đội ngũ kinh doanh dưới sự hỗ trợ của Ban Giám đốc Công ty. Đội ngũ kinh doanh của Công ty có trách nhiệm tiếp xúc trực tiếp với các khách hàng (Ban giám đốc Bệnh viện, các Trưởng phó khoa Bệnh viện, Giám đốc, P. Giám đốc Sở y tế, các Giám đốc, Trưởng phòng khám,...) để tìm hiểu nhu cầu, các kế hoạch mua sắm của khách hàng đồng thời quảng bá, giới thiệu các sản phẩm của Công ty. Do trang thiết bị y tế Công ty cung cấp thường có giá trị lớn, Công ty tiến hành chào bán sản phẩm của mình thông qua các hình thức đấu thầu, chào hàng cạnh tranh.

Là đầu mối nhập khẩu của nhiều hãng Thiết bị y tế hàng đầu trên thế giới, các nhà phân phối thứ cấp sau khi trúng thầu cung cấp loại thiết bị do Công ty phân phối sẽ phải mua qua Công ty để bán cho khách hàng của họ với giá cao hơn giá mua trực tiếp từ Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng phân phối sản phẩm qua Công ty trung gian theo hình thức ủy quyền từng dự án, từng hợp đồng cụ thể. Kênh phân phối này của Công ty chiếm khoảng 25% giá trị sản phẩm tiêu thụ được.

Nắm bắt được tâm lý tiêu dùng hàng nội địa của người Nhật Bản, dịch vụ khám sức khỏe lưu động của Công ty cũng được đẩy mạnh tới đối tượng khách hàng là các Nhà máy của các Công ty Nhật Bản đặt tại các khu công nghiệp ở Việt Nam.

Đội ngũ bán hàng của Công ty cũng tuyển nhân viên người Nhật để phát triển mảng kinh doanh này.

❖ *Chiến lược giá*

Việt Nhật xác định giá bán dựa trên giá nhập khẩu cộng thêm chi phí phát sinh và lợi nhuận dự kiến. Công ty có chiến lược giá bán thấp hơn các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh với tính năng và chất lượng tương đương với lợi thế là đại lý độc quyền và là nhà phân phối đầu mối. Các sản phẩm của Công ty nhập khẩu luôn nhận được các ưu đãi về giá thanh toán. Với chi phí đầu vào thấp, Công ty có thể tận dụng ưu thế này để đưa ra giá cạnh tranh trong các đơn

chào hàng của mình Ngoài ra, Công ty còn được hưởng lợi từ chiến lược đẩy mạnh xâm nhập thị trường Việt Nam của Nhà cung cấp.

Đối với vật tư tiêu hao, Công ty có chính sách chiết khấu giá bán 5-15 % cho những khách hàng mua thường xuyên và có giá trị lớn để đẩy mạnh tiêu thụ và duy trì được các khách hàng truyền thống.

❖ *Chiến lược sản phẩm*

Công ty hướng đến việc cung cấp các sản phẩm của mình dưới hình thức các hệ thống đồng bộ và hoàn thiện cho việc khám chữa bệnh, xét nghiệm. Chiến lược sản phẩm này là lợi thế cạnh tranh của Công ty khi các đối thủ cạnh tranh thường chỉ cung cấp một hệ thống đơn lẻ, gây khó khăn trong việc vận hành, và tính tương thích về mặt dữ liệu giữa các hệ thống thiết bị chẩn đoán gây khó khăn cho người vận hành, xử lý thông tin.

Hệ thống sản phẩm thiết bị y tế của Công ty rất đa dạng về chủng loại sản phẩm và giá cả, có thể trang bị toàn diện cho cả một bệnh viện lớn, bệnh viện tư nhân hay các thiết bị đơn lẻ cho phòng khám nhỏ.

Với hệ thống các bệnh viện liên kết trên khắp cả nước, từ bệnh viện tuyến Trung ương cho đến tuyến huyện, máy móc thiết bị của Công ty có thể đầu tư quay vòng khi những máy mới, hiện đại sẽ được đầu tư tại các bệnh viện lớn, còn các máy đã qua sử dụng sau khi đã thu hồi vốn sẽ chuyển qua sử dụng tại các bệnh viện tuyến huyện, nơi các thiết bị chẩn đoán hình ảnh kỹ thuật cao gần như còn thiếu, lạc hậu và có nhu cầu rất lớn.

6.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Trong thời gian hoạt động của mình, Công ty đã tạo dựng được uy tín và thương hiệu qua nhiều dự án cung cấp thiết bị y tế lớn của Bộ Y tế, và các dự án tài trợ của các tổ chức quốc tế như Jica, World Bank... Trang thiết bị do Công ty cung cấp có chất lượng đảm bảo, ổn định, đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản và Việt Nam...

Logo đã đăng ký của Công ty: Đã đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.



6.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết/thực hiện

6.10.1 Các hợp đồng mua hàng/nhập khẩu lớn đã ký kết với của các nhà sản xuất

STT	Thời gian ký kết	Thời gian hoàn tất hợp đồng	Đối tác ký kết/ thực hiện	Loại sản phẩm	Giá trị hợp đồng	Nước nhập khẩu	Nhà sản xuất /cung cấp
1	23/1/2014	23/5/2013	Global Fun	Máy siêu âm màu u 400AX	59.040.000 JPY	Nhật bản	Fukuda Denshi CO, LTD
2	18/1/2012	15/7/2013	Sở y tế Vũng Tàu	Bàn sinh	252.000 USD	Mỹ	Advance Intrusmentati non INC
3	21/11/2013	05/12/2013	Cty Cp Vĩnh Hưng, Bệnh viện Nông Nghiệp	Hệ thống CT 8 lát	1.050.000 USD	Singapore	Hitachi Medical System PTE LTD
4	15/11/2013	16/12/2013	Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Vĩnh Phúc	Hệ thống CT 128 lát	900.000 USD	Singapore	Hitachi Medical System PTE LTD
5	26/03/2014	15/04/2014	Bộ Công An	Hệ thống Xquang Radnext 32	349.200 USD	Singapore	Hitachi Medical System PTE LTD

6.10.2. Các hợp đồng bán hàng/Cung cấp dịch vụ có giá trị lớn đã ký kết với khách hàng.

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng	Loại sản phẩm dịch vụ cung cấp	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Đối tác
I	Hợp đồng bán thiết bị y tế			
1	Tháng 3/2013	Hệ thống máy CT Eclos	8.614.560.000	Cty CP công nghệ Vĩnh Hưng
2	Tháng 6/2013	Hệ thống máy CT Eclos	13.000.000.000	Cty Cp y tế Xanh
3	Tháng 6/2013	Hệ thống siêu âm và máy điện tim	24.374.479.500	Ban quản lý quỹ toàn cầu Global Fun
4	Tháng 9/2013	Bàn sinh	6.539.829.546	Cty TNH Thiết bị kỹ thuật HB
5	Tháng 9/2013	Hệ thống cộng hưởng từ Airis Vento	10.887.100.000	Bệnh viện đa khoa Tâm Hồng Phước
6	Tháng 11/2013	Hệ thống máy CT Eclos 8	6.180.000.000	Bệnh viện tai mũi họng – mắt An Giang
7	Tháng 12/2013	Hệ thống máy chụp cắt lớp 16 lát	17.043.600.000	Cty CP XNK Việt Tuấn
8	Tháng 3/2014	Hệ thống máy chụp Xquang kỹ thuật số và máy in phim Daito	11.320.000.000	Bộ Công An

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng	Loại sản phẩm dịch vụ cung cấp	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Đối tác
9	Tháng 6/2014	Hệ thống Cộng hưởng từ Echelon 1.5 và máy siêu âm Vision	408.440.000.000	Bệnh viện K Hà Nội
10	Tháng 6/2014	Hệ thống máy in siêu âm xách tay	11.400.000.000	Tổng cục Hậu cần - Bộ công An
11	Tháng 9/2014	Hệ thống máy cộng hưởng từ Aperto Lucent	16.495.000.000	Bệnh viện chăm cứu Trung ương
12	Tháng 9/2014	Các hệ thống khử khuẩn rác thải y tế Medister và hủy bom kim tiêm	16.710.000.000	Ban quản lý dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện
13	Tháng 10/2014	Hệ thống máy gia tốc tuyến tính đa mức năng lượng	39.018.000.000	Bệnh viện Việt Nam Thụy Điển Uông bí
14	Tháng 8/9/2014	Hệ thống CT Scenaria 128 lát, siêu âm màu 7500, 8500, Hệ thống CR Classic, Elite, Xqang Carm, giường bệnh nhân, bàn mổ, ghế chờ bệnh nhân	40.000.921.800	Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ
II	Hợp đồng dịch vụ khám sức khỏe			
1.	Tháng 1/2013	Khám sức khỏe	293.235.000	Cty TNHH Terumo Việt Nam
2.	Tháng 1/2013	Khám sức khỏe	379.605.000	Cty Sản xuất phanh Nissin Việt Nam
3.	Tháng 1/2013	Khám sức khỏe	122.830.000	Cty TNHH Yanagawa Seiko VN
4.	Tháng 5/2013	Khám sức khỏe	122.800.000	Trung tâm giáo dục lao động xã hội số 4
5.	Tháng 6/2013	Khám sức khỏe	224.640.000	Cty TNHH Tabuchi Việt nam
6.	Tháng 6/2013	Khám sức khỏe	197.981.900	Cty TNHH điện tử Meiko
7.	Tháng 8/2014	Khám sức khỏe	314.440.000	Cty TNHH Sumitomo Heavy
8.	Tháng 9/2013- Tháng 8/2014	Khám sức khỏe	89.303.580.000	Quỹ phòng chống lao - Bệnh viện phổi TW
9.	Tháng 11/2013	Khám sức khỏe	692.550.000	Cty TNHH Nissei Electric

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng	Loại sản phẩm dịch vụ cung cấp	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Đối tác
10.	Tháng 12/2013	Khám sức khỏe	226.846.000	Cty TNHH Aiden Việt Nam
11.	Tháng 12/2013	Khám sức khỏe	454.775.000	Cty TNHH sản xuất phan Nissin Việt Nam
12.	Tháng 6/2014	Khám sức khỏe	182.180.000	Cty TNHH Fujikin Việt Nam
13.	Tháng 8/2014	Khám sức khỏe	184.035.000	Cty TNHH ALS Bắc Ninh
III	Hợp đồng cung cấp vật tư tiêu hao			
1.	Tháng 7/2012-7/2013	Cung cấp phim	2.312.310.000	Bệnh viện Thống nhất
2.	Tháng 11/2012 – 11/2013	Cung cấp phim	11.325.000.000	Bệnh viện Nhi TW
3.	Tháng 3/2013	Cung cấp phim	3.987.100.000	Bệnh viện Bắc Giang
4.	Tháng 6/2012	Cung cấp phim	2.945.500.000	Bệnh viện 108
5.	Tháng 7/2013	Cung cấp phim	1.199.000.000	Bệnh viện Đức giang
6.	Tháng 9/2013	Cung cấp phim	1.715.700.000	Bệnh viện Phổi TW
7.	Tháng 1/2014	Cung cấp phim	8.953.444.800	Bệnh viện Việt Đức
8.	Tháng 1/2014	Cung cấp phim	6.952.343.460	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ
9.	Tháng 2/2014	Cung cấp phim	1.118.500.000	Bệnh viện E Hà Nội
10.	Tháng 3/2014	Cung cấp phim	3.180.000.000	Bệnh viện lão khoa
11.	Tháng 3/2014	Cung cấp phim	1.131.200.000	Bệnh viện Đức Giang
12.	Tháng 3/2014	Cung cấp phim	2.221.190.000	Bệnh viện 108
13.	Tháng 3/2014	Cung cấp phim	3.194.400.000	Bệnh viện Tim Hà Nội
IV	Hợp đồng liên kết hợp tác đầu tư			
1.	Từ 2010-2024	Liên kết hệ thống máy chụp công hưởng từ (MRI)		Trung tâm trị liệu ung thư - Bệnh viện C Thái Nguyên Gammastar, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng	Loại sản phẩm dịch vụ cung cấp	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Đối tác
				Trung Vương
2.	Tháng 8/2009 đến tháng 8/2019	Liên kết máy chụp cộng hưởng từ hạt nhân Model AIRIS MATE 0.2T		Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Vĩnh Phúc
3.	Từ 2014-2018	Liên kết hệ thống X quang số hóa CR		Bệnh viện Tâm Thần Hải Phòng
4.	Tháng 9/2010-9/2015	Liên kết hệ thống X quang số hóa CR		Bệnh viện ĐH Y Hải Phòng
5.	Từ năm 2010-2024	Liên kết máy chụp cắt lớp vi tính CT 128 lát		Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp - Hải Phòng, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Trung Vương, Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Vĩnh Phúc
6.	T12/2010-2020	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính CT Eclon		Bệnh viện E, Bệnh viện đa khoa thành phố Hà Tĩnh
7.	T11/2014-2024	Hệ thống cộng hưởng từ Aris II		Bệnh viện Kiến An
8.	Từ 2014-2018	Hệ thống DR		Bệnh viện đa khoa tư nhân Trảng An
9.	Từ 2014-2020	Hệ thống nội soi		Bệnh viện đa khoa An Phú, An Giang
V	Hợp đồng bảo trì, thay thế linh kiện			
1.	Tháng 1/2013	Sửa chữa bảo trì máy	201.472.150	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình
2.	Tháng 8/2013	Sửa chữa, bảo trì TBYT	588.335.000	Trung tâm y tế liên doanh Vietso
3.	Tháng 6/2013	Thay thế linh kiện TBYT	410.000.000	Sở y tế Vũng Tàu
4.	Tháng 11/2013	Sửa chữa, thay thế linh kiện	296.000.000	Bệnh viện sản nhi Ninh Bình
5.	Tháng 1/2014	Bảo trì TBYT	299.750.000	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ
6.	Tháng 12/2013	Sửa chữa, bảo trì TBYT	240.000\$	Cty CP Hoàng Anh Gia Lai

STT	Thời gian thực hiện hợp đồng	Loại sản phẩm dịch vụ cung cấp	Giá trị hợp đồng (VNĐ)	Đối tác
7.	Tháng 9/2013	Thay thế linh kiện BHYT	1.686.400.000	Cty Cp Hoàng Anh Gia Lai
8.	Tháng 3/2014	Thay thế linh kiện BHYT	405.000.000	Bệnh viện Đa khoa Cửa Đông
9.	Tháng 11/2013	Bảo trì BHYT	879.120.000	Trung tâm y tế Vietso
10.	Tháng 11/2013	Thay thế linh kiện BHYT	141.575.500	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ
11.	Tháng 4/2014	Thay thế linh kiện BHYT	437.525.000	Bệnh viện Chợ Rẫy
12.	Tháng 6/2014	Thay thế linh kiện BHYT	363.000.000	Bệnh viện Chợ Rẫy

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm gần nhất

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2012, 2013 và 6 tháng đầu năm 2014

(Đơn vị tính: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% Tăng giảm so với năm 2011	Năm 2013	% Tăng giảm so với năm 2012	6 tháng đầu năm 2014
1	Tổng tài sản	758.922,20	1.332.111,29	75,53	1.630.215,17	22,38	1.744.370,80
2	Doanh thu thuần	605.380,97	761.739,69	25,83	594.056,14	-22,01	315.590,58
3	Lợi nhuận từ HĐKD	173.840,31	225.246,47	29,57	83.876,62	-62,76	45.239,33
4	Lợi nhuận khác	7.890,60	2.372,76	-69,93	5.273,46	122,25	12.040,90
5	Lợi nhuận trước thuế	179.766,61	226.878,04	26,21	61.337,17	-72,96	44.699,07
6	Lợi nhuận sau thuế	134.805,84	170.076,10	26,16	41.680,15	-75,49	33.119,20
7	Vốn điều lệ thực góp	242.000,00	354.199,99	46,36	568.185,30	60,41	568.185,30
8	Cổ tức (% trên mệnh giá cổ phần) (*)	30,00	15,00	-15,00	15,00	0,00	n/a
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả	17,95	31,24	13,29	204,48	173,24	n/a

	cổ (%)	tức					
--	-----------	-----	--	--	--	--	--

Nguồn: BCTC kiểm toán 2012, 2013 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 đã soát xét của JVC

Ghi chú:

Năm 2011, tỷ lệ chi trả cổ tức là 30%, trong đó 20% bằng tiền mặt, 10% bằng cổ phiếu.

Năm 2012, tỷ lệ cổ tức trả bằng cổ phiếu là 15%.

Năm 2013, tỷ lệ trả cổ tức là 15% trong đó 5% bằng tiền mặt, 10% bằng cổ phiếu.

Theo báo cáo cho kỳ hoạt động từ 01/07/2014 đến 31/08/2014 của Công ty mẹ JVC, tổng tài sản của JVC tại ngày 31/08/2014 là 1.709,17 tỷ đồng, doanh thu thuần là 392,07 tỷ đồng, lợi nhuận từ HĐKD là 46,66 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 53,05 và 39,72 tỷ đồng.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua

Thuận lợi

Thu nhập ngày càng tăng của người dân giúp cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh tăng lên trong những năm qua đã có tác động khá tích cực đến hoạt động kinh doanh của các Công ty ngành dược và thiết bị y tế nói chung và Công ty nói riêng.

Việc thiết lập được quan hệ truyền thống với mạng lưới các bệnh viện trong cả nước để liên kết đầu tư trang thiết bị đã xây dựng được trong nhiều năm đã giúp cho Công ty có một chỗ đứng vững chắc trên thị trường Thiết bị y tế trong cả nước.

Là đại lý độc quyền về Thiết bị y tế của Tập đoàn **Hitachi- Nhật Bản, Carestream Health KODAK** tại Việt Nam và là nhà phân phối chính thức của nhiều hãng thiết bị y tế hàng đầu khác, Công ty luôn có thuận lợi rất lớn về nguồn hàng ổn định, giá cạnh tranh và nhiều hỗ trợ ưu đãi của các nhà sản xuất.

Đội ngũ kỹ sư, kỹ thuật viên và được đào tạo bài bản từ chính các Hãng cung cấp giúp cho các sản phẩm của Công ty luôn được khách hàng đánh giá cao không chỉ về chất lượng mà còn cả dịch vụ sau bán hàng trọn gói và chuyên nghiệp.

Là một trong những nhà phân phối lớn nhất mảng chẩn đoán hình ảnh, JVC có quan hệ tốt với bệnh viện trên toàn quốc.

Gây dựng được uy tín tốt đối với nhà cung cấp.

Nhận được hỗ trợ từ quỹ đầu tư DIAIF trong phát triển kinh doanh và mạng lưới đối tác Nhật Bản.

Khó khăn

Năm 2013 là một năm khó khăn cho nền kinh tế Việt Nam và các doanh nghiệp trong đó có JVC. Tăng trưởng kinh tế chậm hơn so với mức dự kiến, lãi vay ở mức cao, thị trường BĐS đóng băng kéo theo khó khăn cho các ngành liên quan. Tỷ lệ bội chi ngân sách vượt mức dự toán từ đầu năm khiến Chính phủ có biện pháp mạnh để thắt chặt chi tiêu.

Đây cũng là một năm hết sức khó khăn đối với hoạt động kinh doanh của JVC do những thay đổi đột ngột về chính sách, ảnh hưởng đặc biệt đến mảng bán thiết bị và đầu tư liên kết:

- Cuối tháng 5/2013 TTCP có chỉ thị số 09/CT-TTg chỉ đạo rà soát và dừng toàn bộ các dự án chi ngân sách chưa làm thủ tục thanh toán đến tháng 6/2013, trong đó có rất nhiều dự án mua sắm TBYT thường được thực hiện vào 2 quý cuối.
- Các dự án được tài trợ từ nguồn Ngân hàng thế giới (WB) bị trì hoãn, tạm dừng trong năm khiến doanh thu mảng bán hàng bị giảm sút nghiêm trọng
- Quy định mới của Bộ Y tế thắt chặt quy trình duyệt hợp đồng đầu tư liên kết khiến thời gian xét duyệt kéo dài thêm 3 - 6 tháng, nhiều hợp đồng của JVC bị hoãn sang 2014
- Bộ Y tế áp giá trần cho phí chụp CT 32 lát bằng ½ mức giá hiện tại, khiến doanh thu đầu tư liên kết từ những máy giảm sút

Tuy nhiên, các mảng kinh doanh khác của JVC (bán vật tư tiêu hao, khám sức khỏe lưu động..) tăng trưởng rất khả quan, mang lại dòng tiền ổn định. Trong năm 2014, JVC sẽ tập trung mọi nguồn lực, thay đổi chiến lược để khôi phục, đẩy mạnh doanh thu và tăng cường hiệu quả kinh doanh.

Nguyên nhân ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty:

Doanh thu bán thiết bị y tế và vật tư tiêu hao năm 2013 là 478 tỷ đồng, giảm 28% so với doanh thu năm 2012. Trong đó, bán thiết bị y tế là 320 tỷ đồng, giảm 44% so với năm 2012. Nguyên nhân là do các hạng mục bán theo dự án giảm do một số dự án bị trì hoãn và dừng hẳn. Doanh thu bán thiết bị y tế vào bệnh viện công giảm do Chính phủ cắt giảm chi tiêu ngân sách cho TBYT. Trong năm 2013, Ngân hàng thế giới đã dời giải ngân các dự án sang năm 2014. Chính phủ cắt các dự án mua thiết bị y tế từ Q3, Q4 do chính sách thắt chặt chi tiêu.

Loại dự án	Năm 2012	Kế hoạch năm 2013	Kết quả năm 2013	So sánh KH/TH '13		Tăng trưởng ('12-13)
				(tỷ VND)	(%)	
Global fund	-	67	27	(40)	-60%	100%
World bank (WB)	6	25	-	(25)	-100%	-100%
Vietinbank	44	24	17	(7)	-29%	-61%
Bộ Công An	-		8	8	100%	100%
Trái phiếu Chính phủ	120	300	11	(289)	-96%	-91%
Dự án khác	24	200	-	(200)	-100%	-100%
Tổng cộng	194	616	63	(553)	-90%	-68%

Năm 2013, JVC chỉ ký được 12 hợp đồng với bệnh viện công với tổng doanh thu là 31 tỷ đồng, giảm 89% so với năm 2012.

Loại bệnh viện	Năm 2012			Năm 2013			Tăng trưởng ('12-13)
	Doanh thu	SL	DT từng Bộ nh	Doanh thu	SL	DT từng Bộ nh	
Bệnh viện công	271	23	12	31	12	2.6	-89%
Bệnh viện tư	106	26	4	226	53	4.3	113%
Total	377			257			-32%

Ngoài ra, trong năm 2013, Bộ Y tế giảm 50% giá trần phí chụp CT 32 lát, vì vậy, mặc dù số máy chụp CT tăng từ 40 lên 48 nhưng doanh thu từ máy chụp CT chỉ tăng 15%. Do quy định xét duyệt hợp đồng mới kéo dài thêm 3-6 tháng khiến doanh thu máy MRI bị hoãn sang năm 2014. Doanh thu máy lọc thận, nội soi đạt 20 tỷ, chưa đạt kế hoạch do trì hoãn lắp đặt 2 Gama knife trị giá 15 tỷ do việc đổi hợp đồng từ Việt Đức sang Bạch Mai. Dự kiến bắt đầu có DT từ Q2-2014.

Doanh thu từ đầu tư liên kết tăng 13% do có đóng góp doanh thu từ KMS. Tuy nhiên, do yếu khách quan là thời gian phê duyệt hợp đồng đầu tư liên kết kéo dài hơn nên doanh thu của mảng này năm 2013 không đạt kế hoạch.

Tồn kho và phải thu duy trì ở mức cao làm tăng chi phí tài chính của Công ty trong kỳ. Tuy nhiên, các chỉ tiêu trên sẽ giảm trong năm 2014. Trong năm 2013, Công ty duy trì phải thu khách hàng ở mức cao do kinh tế khó khăn, một số khách hàng là công ty tư nhân xin gia hạn trả nợ sang năm 2014. Thêm vào đó, trong năm phát sinh khoản ứng trước cho nhà cung cấp mới làm việc lần đầu để triển khai dự án, cụ thể là tạm ứng 50 tỷ VND cho JWB nhập khẩu thiết bị xạ trị cho dự án Gama; tạm ứng 46 tỷ VND cho các nhà cung cấp để nhập khẩu thiết bị y tế phục vụ việc triển khai các dự án.

Doanh thu 6 tháng đầu năm 2014 được cải thiện nhờ việc Chính phủ bắt đầu giải ngân vốn cho các dự án cũ và việc tăng số máy mới liên kết, tăng tiêu thụ vật tư tiêu hao, tăng số đầu xe khám cũng như có thêm doanh thu từ dịch vụ xử lý nước thải. Doanh thu 06 tháng đầu năm 2014 đạt 315,59 tỷ đồng, trong đó, doanh thu quý II năm 2014 đạt 190 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 30 tỷ đồng.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty hiện là nhà phân phối lớn nhất trong cả nước trong lĩnh vực chuẩn đoán hình ảnh, lĩnh vực vật tư tiêu hao, đầu tư liên kết thiết bị và là Công ty đầu tiên triển khai mô hình khám sức khỏe lưu động ở VN.

Công ty cung cấp toàn bộ hệ thống chẩn đoán hình ảnh y tế hoàn thiện của cùng một nhà sản xuất phục vụ công tác chẩn đoán, khám chữa bệnh trong cả nước với các sản phẩm chính là máy cộng hưởng từ, máy chụp cắt lớp, máy X-quang số, máy siêu âm, hệ thống thu nhận và xử lý hình ảnh x-quang kỹ thuật số, hệ thống đọc và xử lý hình ảnh X-quang kỹ thuật số. Là Nhà phân phối độc quyền của Hitachi tại VN với các sản phẩm chính là máy CT, MRI ... Ngoài ra, Công ty còn có các nhà cung cấp khác như Hitachi, Fujifilm, Konica, Horizon.

Trong lĩnh vực vật tư tiêu hao, Công ty là Nhà phân phối lớn nhất của Fujifilm và Kodak ở VN. Ngoài Fujifilm, Công ty còn có các nhà phân phối khác như Kodak, Boeki, Toray...

Là Công ty đầu tư liên kết thiết bị y tế lớn nhất Việt Nam với các máy liên kết chính là máy CT, MRI ... và nhà cung cấp như Hitachi, Fujifilm, Konica ...

Là Công ty đầu tiên triển khai mô hình khám sức khỏe lưu động ở VN, nhà cung cấp bao gồm: Hitachi, Fujifilm, Konica...

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến cuối năm 2013, cả nước có 1.069 bệnh viện. Hệ thống bệnh viện nhìn chung quá tải với tỷ lệ 25 giường bệnh /10 nghìn dân. Hệ thống trang thiết bị y tế của Việt Nam hiện nay còn thiếu, chưa đồng bộ và lạc hậu so với các nước trong khu vực. Hầu hết trang thiết bị y tế đang sử dụng tại các cơ sở y tế đã bị lạc hậu, cần thay thế. Nhiều bệnh viện hiện thiếu các thiết bị chuyên dụng, gây rất nhiều khó khăn cho cả bệnh nhân và bác sỹ.

Theo cơ quan đại diện thương mại Pháp tại Việt Nam (Ubifrance Vietnam) cho biết doanh thu của thị trường trang, thiết bị y tế Việt Nam được ước tính đạt hơn 634 triệu USD năm 2012 và ước đạt ngưỡng 1 tỷ USD vào năm 2015.

Hiện nay, 90% trang thiết bị y tế sử dụng tại các trung tâm y tế và bệnh viện của Việt Nam đều phải nhập khẩu và 30-40% là từ các hãng của Nhật, Đức và Mỹ, tập trung vào các thiết bị như CT-scanner, máy X-quang cao tần - tầng sáng truyền hình, máy siêu âm, máy nội soi. Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội vẫn là nơi đầu tư trang thiết bị y tế nhiều nhất.

Về nhu cầu đầu tư trang thiết bị y tế, Việt Nam là nước có số dân lớn (trên 87 triệu dân), có tốc độ phát triển kinh tế tương đối ổn định nên được coi là khá hấp dẫn với thị trường thiết bị y tế. Chi y tế bình quân đầu người tại Việt Nam có xu hướng tăng qua các năm, tính theo giá hiện hành qua các năm từ 1998 - 2010 là từ 17 - 80 USD.

Theo báo cáo của Hội Khoa học Kinh tế Y tế Việt Nam cho thấy tổng chi y tế/GDP qua các năm có xu hướng tăng từ năm 2000 đến 2010, trong đó nguồn chi ngoài ngân sách nhà nước có tỷ trọng cao nhất và nguồn chi từ ngân sách nhà nước có tốc độ tăng rõ rệt nhất.

8.3 Định hướng chiến lược phát triển của Công ty

Đổi với hoạt động kinh doanh hiện tại

Với định hướng JVC sẽ trở thành nhà cung cấp thiết bị và dịch vụ y tế lớn mạnh, có thể đáp ứng toàn diện nhu cầu của bệnh viện, JVC đặt ra chiến lược cho từng lĩnh vực như sau:

- ✚ Bán thiết bị, Vật tư tiêu hao:
 - Tiếp tục phát triển các hệ thống bệnh viện liên kết, mở rộng hoạt động đầu tư vào các bệnh viện trung tâm khám chữa bệnh kỹ thuật cao tại các tỉnh thành, tập trung phát triển các bệnh viện tuyến huyện nơi có nhu cầu khám chữa bệnh lớn nhưng các thiết bị y tế còn thiếu. Phạm vi thị trường bán thiết bị, vật tư tiêu hao của Công ty phủ rộng toàn quốc.
 - Đầu tư liên kết: chuyển hướng tập trung đầu tư ít máy, giá trị cao, ở bệnh viện lớn để nâng cao hiệu quả đầu tư. Tiếp tục triển khai 2 dự án Gama knife, phát triển các hệ thống bệnh viện liên kết, mở rộng hoạt động đầu tư vào các bệnh viện trung tâm khám chữa bệnh kỹ thuật cao tại các tỉnh thành, tập trung phát triển các bệnh viện tuyến huyện nơi có nhu cầu khám chữa bệnh lớn nhưng các thiết bị y tế còn thiếu.
- ✚ Xe khám lưu động: mở rộng vào miền Nam, marketing tới KCN lớn. Giảm chi phí đầu tư bằng cách tận dụng mô hình xe từ container
- ✚ Phát triển mảng kinh doanh dịch vụ xử lý chất thải cho bệnh viện.

Đổi với lĩnh vực kinh doanh mới

- ✚ Định hướng JVC sẽ trở thành nhà cung cấp thiết bị và dịch vụ y tế lớn mạnh, có thể đáp ứng toàn diện nhu cầu của bệnh viện.
- ✚ Tiếp tục thực hiện nghiên cứu khả thi định hướng phát triển chuỗi trung tâm xét nghiệm (outsourcing testing service) hợp tác với chuỗi bệnh viện và hệ thống xét nghiệm Nhật.

Tài chính

- ✚ Hướng tới chính sách chi trả cố tức ổn định, tạo lòng tin và nâng cao lợi ích cho cổ đông và nhà đầu tư.
- ✚ Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

- ✚ Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- ✚ Tích cực tìm nguồn vốn có chi phí thấp để đầu tư mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao.

Nhân lực

- ✚ Xây dựng chế độ đãi ngộ hấp dẫn nhằm thu hút thêm nhiều nhân lực có lao động vào Công ty, đặc biệt là đối với các kỹ sư có trình độ, những người có kinh nghiệm trong ngành thiết bị y tế.
- ✚ Cải tiến chính sách lương thưởng theo hướng tạo động lực hơn nữa thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của người lao động.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của toàn Công ty tại thời điểm 30/06/2014 là 320 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ	320	100%
1. Trình độ đại học trở lên	113	35%
2. Trình độ cao đẳng, trung cấp	120	38%
3. Công nhân kỹ thuật	47	15%
4. Lao động khác	40	12%
II. Phân theo tính chất lao động	320	100%
1. Lao động trực tiếp	143	45%
2. Lao động gián tiếp	177	55%
III. Phân theo giới tính	320	100%
1. Lao động nữ	69	22%
2. Lao động nam	251	78%

Nguồn: JVC

9.2. Chính sách đối với người lao động

9.2.1. Chế độ làm việc

Thời gian làm việc:

Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, 5 ngày/tuần. Thực hiện nghỉ vào ngày thứ bảy và chủ nhật. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết:

Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên tiếp tục được cộng thêm 01 ngày phép trong năm.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết với số ngày theo quy định của bộ Luật lao động.

Nghỉ ốm, thai sản:

Nhân viên Công ty được nghỉ ốm và hưởng lương theo chế độ hiện hành. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ đúng quy định theo chế độ bảo hiểm còn được hưởng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Môi trường làm việc: Người lao động trong Công ty tùy theo tính chất công việc được trang bị đầy đủ các thiết bị, vật dụng cần thiết để phục vụ cho công việc. Cán bộ công tác tại các bệnh viện đều được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ, đúng chủng loại theo quy định.

9.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, luôn quan tâm, thu hút các ứng viên có năng lực, trình độ, đặc biệt là những người có kinh nghiệm trong lĩnh vực Thiết bị y tế.

Đào tạo: Công ty luôn cung cấp cho nhân viên những cơ hội đào tạo (trong nước và nước ngoài: tại Mỹ, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Ấn Độ, Pháp, Trung Quốc, Hàn Quốc), hỗ trợ nhân viên xây dựng kế hoạch phát triển cá nhân để giúp nhân viên vừa phát triển nghề nghiệp, vừa đạt được những mục tiêu cá nhân .

Đối với Nhân viên mới tốt nghiệp, Công ty sẽ giúp nhân viên hội nhập với công việc nhanh nhất bằng các khóa đào tạo nhằm bổ sung các kiến thức thực tiễn, hỗ trợ trong việc tiếp xúc với khách hàng, các bệnh viện để tạo các mối quan hệ cho nhân viên

Đối với nhân viên đã có kinh nghiệm, Công ty sẽ có các khóa đào tạo nâng cao, giúp nhân viên có thể tiếp tục phát triển về nghiệp vụ và kỹ năng.

9.2.3. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương, thưởng:

Công ty thực thi chính sách tiền lương cạnh tranh, đãi ngộ tương xứng với sự đóng góp cụ thể của từng cá nhân vào kết quả hoạt động kinh doanh nhằm động viên toàn thể nhân viên các cấp đáp ứng được yêu cầu của công việc và đóng góp vào sự thành công của Công ty.

Về chính sách khen thưởng, Công ty thực thi chế độ khen thưởng công bằng, các khoản tiền thưởng được xem xét theo thành tích công việc của đơn vị và cá nhân có liên quan và phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bảo hiểm và phúc lợi:

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Chế độ phúc lợi của Công ty vừa phù hợp với luật pháp hiện hành vừa có những nét riêng của Công ty như nghỉ mát, du lịch và các chế độ khác... cho nhân viên.

10. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo. Tình hình trả cổ tức trong các năm qua như sau:

Chỉ tiêu	2011	2012	2013
Tỷ lệ cổ tức	30%	15%	15%

Nguồn: JVC

Ghi chú:

Năm 2011, tỷ lệ trả cổ tức là 30% trong đó 20% bằng tiền mặt, 10% bằng cổ phiếu.

Năm 2012, tỷ lệ cổ tức trả bằng cổ phiếu là 15%.

Năm 2013: tỷ lệ trả cổ tức là 15% trong đó 5% bằng tiền mặt, 10% bằng cổ phiếu

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam theo các quy định hiện hành về kế toán Việt Nam. Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các văn bản khác của Nhà nước về chế độ tài chính kế toán.

Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2014-NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2014 của JVC đã thông qua việc thay đổi niên độ tài chính từ năm 2014. Theo đó, niên độ tài chính năm của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc ngày 31/3 hàng năm.

Riêng năm 2014 là năm đầu tiên Công ty thay đổi niên độ báo cáo tài chính nên kỳ kế toán của Công ty gồm 15 tháng, bắt đầu từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2015. Các năm sau đó niên độ kế toán sẽ gồm 12 tháng theo niên độ kế toán mới. Đồng thời, đối với năm đầu tiên thay đổi niên độ kế toán này, để thuận tiện cho việc soát xét báo cáo tài chính phục vụ việc phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường ngày 19/09/2014, Công ty lựa chọn lập báo cáo tài chính bán niên tại ngày 30/06/2014.

Từ niên độ tài chính năm 2015 trở đi, báo cáo bán niên của Công ty sẽ được lập tại ngày 30/09. Đối với báo cáo tài chính bán niên năm 2015 (được lập vào ngày 30/9/2015), Công ty có trách nhiệm thuê đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét bổ sung cả số dư đầu kỳ tại thời điểm 30/9/2014 để thuận tiện cho mục đích so sánh, đối chiếu các năm tiếp theo.

11.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31-12-2012	31-12-2013	30-06-2014
1	Vốn chủ sở hữu	697.444,29	951.455,62	956.165,55
	Vốn điều lệ	354.199,99	568.185,30	568.185,30
	Thặng dư	71.594,55	152.689,05	152.689,05
	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	56.818,53
	Quỹ đầu tư phát triển	8.623,42	17.127,23	19.211,23
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	263.026,33	213.454,04	159.261,44
	Nợ phải trả	634.667,00	678.759,56	788.205,26
2	Nợ ngắn hạn	616.604,00	612.148,20	611.861,70
	Nợ dài hạn	18.063,00	66.611,36	176.343,56
	TỔNG CỘNG	1.332.111,29	1.630.215,18	1.744.370,81

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 đã soát xét của JVC

Trong năm 2013, Công ty đã phát hành tăng vốn điều lệ từ 354.199,99 triệu đồng lên 568.185,30 triệu đồng thông qua các đợt phát hành sau:

- Phát hành 9.917.600 cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Giá phát hành: 15.000 đồng/cổ phần
- Phát hành riêng lẻ 4.070.000 cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phần KMS thuộc sở hữu của các cổ đông của KMS;
- Phát hành 7.410.931 cổ phần để trả cổ tức với tỷ lệ 15%.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 30/06/2014 là 568.185,30 triệu đồng, không đổi so với tại thời điểm 31/12/2013. Vốn điều lệ được Công ty sử dụng để đầu tư tài sản cố định và tài trợ vốn lưu động.

Tổng nguồn vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 của Công ty là 956.165,55 triệu đồng. Toàn bộ nguồn vốn này được Công ty sử dụng để đầu tư vào tài sản cố định và tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo báo cáo tài chính riêng công ty mẹ JVC, tại thời điểm 31/08/2014, vốn chủ sở hữu của Công ty là 960,83 tỷ đồng, trong đó vốn điều lệ là 568,19 tỷ đồng, thặng dư là 152,69 tỷ đồng, vốn khác của chủ sở hữu là 56,82 tỷ đồng, quỹ đầu tư phát triển là 19,21 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 163,93 tỷ đồng. Nợ phải trả là 748,33 tỷ đồng, trong đó, nợ ngắn hạn là 563,47 tỷ đồng và nợ dài hạn là 184,87 tỷ đồng.

11.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính căn cứ theo Quyết định số 203/2009/QĐ/BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị: 06 – 10 năm
- Phương tiện vận tải: 06 - 10 năm
- Phương tiện, dụng cụ quản lý : 03 - 08 năm

11.1.3. Mức lương bình quân

Mức lương bình quân của người lao động hiện tại là 6.500.000 đồng/tháng.

11.1.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn nào.

Các khoản phải nộp theo luật định: Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tính tới thời điểm hiện nay, Công ty không có khoản nợ nào với các Thành viên HĐQT, Ban GD, Kế toán trưởng, cổ đông lớn và những người có liên quan.

11.1.5. Trích lập các quỹ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

✚ Số dư các quỹ của năm 2012, 2013 và tại 30/06/2014 như sau (Đơn vị tính: Triệu đồng):

Số dư quỹ	31-12-12	31-12-13	30-06-14
Quỹ đầu tư và phát triển	8.623,42	17.127,23	19.211,23

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2012, 2013 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 đã soát xét của JVC

11.1.6. Tình hình dư nợ vay

11.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

✚ Các khoản phải thu (Đơn vị tính: triệu đồng):

Chỉ tiêu	31-12-12		31-12-13		30-06-14	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Phải thu của khách hàng	722.073,60	0,00	407.408,87	0,00	472.187,47	0,00

Trả trước cho người bán	24.839,44	0,00	215.267,91	0,00	214.784,72	0,00
Các khoản phải thu khác	0,00	0,00	0,00	0,00	614,30	0,00
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-1.091,56	0,00	-1.388,46	0,00	-1.388,46	0,00
Tổng số	745.821,48	0,00	621.288,32	0,00	686.198,03	0,00

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2012, 2013 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 đã soát xét của JVC

Khoản phải thu từ khách hàng giảm 44% trong năm 2013 so với năm 2012 là do doanh thu năm 2013 của Công ty giảm 22% so với doanh thu năm 2012. Khoản phải thu và trả trước cho người bán duy trì ở mức cao là do kinh tế khó khăn, một số công ty tư nhân xin gia hạn nợ sang năm 2014.

Tại thời điểm 31/08/2014, theo báo cáo tài chính riêng công ty mẹ JVC, nợ ngắn hạn của Công ty là 563,47 tỷ đồng. Trong đó, vay và nợ ngắn hạn là 324,88 tỷ đồng, phải trả cho người bán là 85,56 tỷ đồng, người mua trả tiền trước là 22,99 tỷ đồng, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 63,92 tỷ đồng, phải trả công nhân viên là 1,69 tỷ đồng, chi phí phải trả là 1,59 tỷ đồng, các khoản phải trả, phải nộp khác là 62,83 tỷ đồng. Công ty không có nợ phải thu quá hạn tại thời điểm 31/08/2014.

Nợ dài hạn là 184,87 tỷ đồng, trong đó phải trả dài hạn người bán là 105,69 tỷ đồng, vay và nợ dài hạn là 79,18 tỷ đồng.

✚ Các khoản phải trả (Đơn vị tính: triệu đồng):

Chỉ tiêu	31-12-12		31-12-13		30-06-14	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Nợ ngắn hạn	616.604,00		612.148,20	-	611.861,70	-
Vay và nợ ngắn hạn	416.799,32		394.650,05		368.708,21	
Phải trả cho người bán	85.521,10		77.986,11		71.575,94	
Người mua trả tiền trước	6.927,07		26.601,82		15.468,44	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	105.312,89		82.270,32		87.002,23	
Phải trả công nhân viên	1.424,74		1.655,17		1.768,04	
Chi phí phải trả	-		967,61		1.595,00	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	618,88		28.017,12		65.743,84	

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn	18.063,00	-	66.611,36	-	176.343,56
Phải trả dài hạn người bán	-	32.565,03		113.832,94	
Phải trả dài hạn nội bộ	-	33.123,00		-	
Phải trả dài hạn khác	-	-		-	
Vay và nợ dài hạn	18.063,00	-		61.866,25	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	923,33		644,37	
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-		-	
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-		-	
Tổng	634.667,00	-	678.758,56	-	788.205,26

Nguồn: BCTC đã kiểm toán 2012, 2013 và BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 đã soát xét của JVC

Tại thời điểm 31/08/2014, theo báo cáo tài chính riêng công ty mẹ JVC, tổng các khoản phải trả là 748,33 tỷ đồng. Nợ ngắn hạn là 563,47 tỷ đồng, trong đó, vay và nợ ngắn hạn là 324,88 tỷ đồng, phải trả cho người bán là 85,56 tỷ đồng, người mua trả tiền trước là 22,99 tỷ đồng, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 63,92 tỷ đồng, phải trả công nhân viên là 1,69 tỷ đồng, chi phí phải trả là 1,59, các khoản phải trả, phải nộp khác là 62,83 tỷ đồng. Tổng nợ dài hạn là 184,87 tỷ đồng, phải trả dài hạn người bán là 105,69 tỷ đồng, vay và nợ dài hạn là 79,18. Tại thời điểm 31/8/2014, Công ty không có nợ phải trả quá hạn nào.

11.2. Các chỉ tiêu đánh giá thực trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	6 tháng đầu năm 2014
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- TSLĐ/Nợ ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,66	1,89	2,10
- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,29	1,15	1,25
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,48	0,42	0,45
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,91	0,71	0,82
- Hệ số Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	0,52	0,58	0,55

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	2,99	1,22	0,46
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,57	0,36	0,18
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,22	0,07	0,10
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,04	0,03
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,13	0,03	0,02
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	0,30	0,14	0,14
- Thu nhập trên Cổ phần (EPS) (đồng/ cổ phần)	4.085	792	530

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Cùng với việc cơ cấu lại nguồn vốn sau khi tăng vốn điều lệ từ 354,2 tỷ đồng thời điểm ngày 31/12/2012 lên 568,19 tỷ đồng thời điểm ngày 31/12/2013 và duy trì mức vốn như trên đến thời điểm 30/06/2014, hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty năm 2012, 2013 và tại 30/06/2014 đã có sự cải thiện lên mức an toàn, lần lượt là 1,66 và 1,29 lần (trong năm 2012), 1,89 và 1,15 (trong năm 2013), 2,10 và 1,25 (tại 30/06/2014).

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Trong năm 2012, 2013 và tại 30/06/2014, sau khi cơ cấu lại nguồn vốn bằng cách tăng vốn điều lệ, cơ cấu nợ/Tổng tài sản của Công ty đã được điều chỉnh về mức an toàn, lần lượt bằng 48%, 42% và 45%. Tổng nợ trên/vốn chủ sở hữu cũng giảm từ 91% năm 2012, xuống còn 71% trong năm 2013 và 82% tại 30/06/2014.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

- Hệ số vòng quay hàng tồn kho giảm từ 2,99 lần năm 2012 xuống còn 1,22 lần năm 2013 và 0,46 lần tại 6 tháng đầu năm 2014, cho thấy việc tiêu thụ sản phẩm của Công ty trong giai đoạn này rất khó khăn.

- Doanh thu thuần /Tổng tài sản bình quân giảm từ 0,57 lần năm 2012 xuống 0,36 lần năm 2013 và 0,18 lần 6 tháng đầu năm 2013. Hiệu quả hoạt động của Công ty giảm trong giai đoạn

này do sự sụt giảm mạnh của doanh thu thuần (năm 2013 giảm 22,01% so với năm 2012) trong khi Tổng tài sản năm 2013 tăng 22,38% so với năm 2012, năm 2012 tăng 75,53% so với 2011).

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty giảm mạnh. Hệ số LNST/Doanh thu thuần giảm từ 22% năm 2012 xuống còn 7% năm 2013 và tăng lên 10% tại 6 tháng năm 2014, các hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân giảm từ 13% năm 2012 xuống còn 3% năm 2013 và 2% tại 6 tháng đầu năm 2014. Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần giảm từ 30% năm 2012 xuống còn 14% năm 2013 và 6 tháng đầu năm 2014.

12. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

■ Ông Lê Văn Hường

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT, giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật
- Số CMTND: 011924999 do CA Hà Nội cấp ngày 29/10/2007
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 02/09/1976
- Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Triều-Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: 23 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-4) 36830516
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư .Đại học Kỹ Thuật Kyoto (Kyoto Institute of Technology)
- Quá trình công tác:
 - o T4/1996- T4/2001: Du học theo diện học bổng Chính phủ Nhật Bản(Monbusho).
 - o T9/2001- T9/2010: Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật (đã đổi tên thành Công ty CP TBYT Việt Nhật)
 - o T10/2010- nay: Giám đốc kiêm chủ tịch HĐQT Công ty CP Thiết bị y tế Việt Nhật

- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: P. Giám đốc Công ty TNHH Kyoto Medical Science
- Số cổ phần nắm giữ: 13.335.987 cổ phiếu chiếm 21,34% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

Stt	Họ & tên NCLQ	Quan hệ nhân thân	Họ & tên NSCC	SLCP NCLQ sở hữu
1.	Lê Mỹ Hạnh	Chị ruột	Lê Văn Hương	18.927
2.	Lê Thu Huyền	Em ruột	Lê Văn Hương	695
3.	Nguyễn Phương Hạnh	Vợ	Lê Văn Hương	1.889.657
4.	Lê Thị Quyên	Em ruột	Lê Văn Hương	25.047

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

■ **Ông Kyohei Hosono – Thành viên HĐQT**

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
- Số hộ chiếu: TH4989419
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/04/1973
- Nơi sinh: Nhật Bản
- Quốc tịch: Nhật Bản
- Quê quán: Nhật Bản
- Địa chỉ thường trú: AE2001, The Manor, 91 Nguyễn Hữu Cảnh, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-08) 3827 8450
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:
 - 1996 – 2005 : JBIC (Ngân hàng hợp tác quốc tế Nhật Bản);
 - 2005 – 2010 : Dream Incubator Inc. Nhật Bản

- 2010 – nay : Giám đốc – Công ty cổ phần Dream Incubator Việt Nam
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng Nutifood;
 - Số cổ phần đại diện nắm giữ cho DIAIF: 11.000.000 cổ phiếu chiếm 31,06% VĐL
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Lợi ích liên quan với Công ty: Không
 - Các khoản nợ với Công ty: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Ông Tashiro Masaaki – Thành viên HĐQT

- Họ và tên : Tashiro Masaaki
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 09/03/1984
- Quốc tịch : Nhật Bản
- Passport số : TH3771121
- Địa chỉ thường trú : AW1204, The Manor, 91 Nguyễn Hữu Cảnh, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc : 08-3827 8450
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ
- Quá trình công tác:
 - 2009 - 2012 : Dream Incubator Inc. Nhật Bản
 - 2013 – nay : Giám đốc _ Công ty cổ phần Dream Incubator Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc _ Công ty cổ phần Dream Incubator Việt Nam
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

■ Bà Nguyễn Phương Hạnh

- Chức vụ hiện tại: Phó GD kiêm thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật

- Số CMTND: 011932028 do CA Hà Nội cấp ngày 23/08/2006
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/06/1978
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 23 Hàn Thuyên, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-4) 36830516
- Trình độ văn hóa: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - o 1997- T9/2000: Sinh viên trường Đại học Ngoại thương
 - o T10/2000- T10/2002: Sinh viên chuyên tiếp trường Đại học Kyoto-Nhật Bản
 - o T10/2002- T9/2010: Phó Giám đốc Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật (nay là Công ty CP TBYT Việt Nhật)
 - o T10/2010- nay: Phó Giám đốc kiêm thành viên HĐQT Công ty CP Thiết bị y tế Việt Nhật
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Y tế Việt Nhật
- Số cổ phần nắm giữ: 1.889.657 cổ phiếu chiếm 3,02% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

Stt	Họ & tên NCLQ	Quan hệ nhân thân	Họ & tên NSCC	SLCP NCLQ sở hữu
1	Nguyễn Hữu Điền	Bố	Nguyễn Phương Hạnh	695
2	Đặng Thập Nương	Mẹ	Nguyễn Phương Hạnh	347
3	Nguyễn Hữu Hiếu	Em ruột	Nguyễn Phương Hạnh	695
4	Lê Văn Hường	Chồng	Nguyễn Phương Hạnh	13.335.987

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

■ Ông Phạm Văn Thanh

- Chức vụ hiện tại: Phó Giám Đốc kiêm TV HĐQT Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt nhật
- Số CMTND: 013311569 do CA Hà nội cấp ngày 27/05/2010
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/04/1979
- Nơi sinh: Tam Dương, Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đồ Sơn, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Phòng 812 OCT1 X1 Đại kim, Hoàng mai, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-4) 36830516
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử
- Quá trình công tác:
 - 1997 - 2002: Sinh viên Trường Đại học Bách khoa Hà nội
 - 2002 - 2003: Kỹ sư Service Công ty TNHH Thiết bị Y Tế Việt nhật
 - 2003 - 2006: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH Thiết bị Y Tế Việt nhật
 - 2006 – T09/2010: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Y Tế Việt nhật
 - T10/2010- nay: Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị Y Tế Việt nhật
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 132.829 cổ phiếu chiếm 0,21% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

■ **Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh**

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật
- Số CMTND: 011932483 do CA Hà Nội cấp ngày 03/11/2010
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 20/03/1981
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 23, phố Hàn Thuyên, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-4) 36830516
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quan hệ Quốc tế
- Quá trình công tác:
 - 2003 - 2004: Nhân viên Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật
 - 2004 – 2006: Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật
 - 2006 – T9/2010: Phó giám đốc Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật (nay đổi thành Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật)
 - T10/2010- nay: Phó giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thiết bị y tế Việt Nhật
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 72.358 cổ phiếu chiếm 0,12% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

Stt	Họ & tên NCLQ	Quan hệ nhân thân	Họ & tên NSCC	SLCP NCLQ sở hữu
1	Đặng Nhị Nương	Mẹ	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	440

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không

- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

■ **Bà Hồ Bích Ngọc**

- Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật
- Số CMTND: 013148056 do CA Hà Nội cấp ngày 10/01/2009
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 22/11/1979
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Mê Linh- Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: TT LD vật lý, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-4) 36830516
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính- Kế toán
- Quá trình công tác:
 - 1997- T6/2001: Sinh viên trường Đại học Tài chính Kế toán
 - T8/2001- T4/2002: Kế toán tổng hợp Công ty CP Thiết bị giáo dục
 - T05/2002- T9/2010: Kế toán trưởng Công ty TNHH Thiết bị y tế Việt Nhật
 - T10/2010- nay: Kế toán trưởng kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Thiết bị y tế Việt Nhật
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 181.673 cổ phiếu chiếm 0,29% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu:

Stt	Họ & tên NCLQ	Quan hệ nhân thân	Họ & tên NSCC	SLCP NCLQ sở hữu
1	Vũ Mạnh Trường	Chồng	Hồ Bích Ngọc	416

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không

- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

12.2. Danh sách Ban Giám đốc

■ Ông Lê Văn Hương

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
- Lý lịch chi tiết được nêu ở mục Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT.

■ Bà Nguyễn Phương Hạnh

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
- Lý lịch chi tiết được nêu ở mục Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT.

■ Ông Phạm Văn Thanh

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
- Lý lịch chi tiết được nêu ở mục Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT.

■ Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
- Lý lịch chi tiết được nêu ở mục Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT.

12.3. Ban Kiểm soát

■ Bà Vũ Thị Thúy Hằng

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt nhật
- Số hộ chiếu: B5506345
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 02/09/1983
- Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: P203 N6D Trung Hòa, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 38278450
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
- Quá trình công tác:

- 2005 - 2010: Chuyên viên thẩm định dự án, phòng Quản lý rủi ro, Sở giao dịch III, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
 - 2010 - 2011: Trưởng nhóm tư vấn, phòng tư vấn tài chính, công ty Kiểm toán và Tư vấn Nexia;
 - 2011 - nay: Quản lý tư vấn đầu tư – Công ty cổ phần Dream Incubator Việt Nam
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
 - Số cổ phần đại diện nắm giữ cho DIAIF: 11.000.000 cổ phiếu chiếm 31,06% VĐL
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Lợi ích liên quan với Công ty: Không
 - Các khoản nợ với Công ty: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

■ Ông Nguyễn Hữu Thắng

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt nhật
- Số CMTND: 031 132 763 do Công An Hải Phòng cấp ngày 15/11/2012
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/09/1983
- Nơi sinh: Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Vinh Quang, Tiên Lãng, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Cum 4, Nam Sơn, Kiến An, Hải Phòng
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 3683 0516
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - 2006 - 2009: Nhân viên Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật;
 - 2009 - nay: Nhân viên Công ty cổ phần Kyoto Medical Science;
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 416 cổ phiếu chiếm 0,0007% VĐL
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

■ **Ông Nguyễn Văn Dương**

- Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát, Công ty cổ phần thiết bị y tế Việt nhật
- Số CMTND: 100650810 do Công An Tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 27/04/2005
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/02/1976
- Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Mễ Sơn, Xuân Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh
- ĐT liên lạc ở cơ quan: (84-8) 3683 0516
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
 - o 2000 - 2003: Phòng kỹ thuật công ty cơ khí xây dựng công trình giao thông 121;
 - o 2003 - 2007: Công ty xây dựng công trình giao thông Hà Nội;
 - o 2007 – 2011: Công ty cổ phần Kyoto Medical Science
 - o 2012 - nay: Công ty cổ phần Đầu tư A1
- Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 889 cổ phiếu chiếm 0,0014% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Lợi ích liên quan với Công ty: Không
- Các khoản nợ với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

12.4. Kế toán trưởng**Bà Hồ Bích Ngọc**

- Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
- Lý lịch chi tiết được nêu ở mục Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT

13. Tài sản

✚ Giá trị tài sản cố định hữu hình và vô hình theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2014 (Đơn vị tính: triệu đồng):

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
I	Tài sản cố định hữu hình	728.500,49	340.887,01	46,79%
II	Tài sản cố định vô hình	4.989,20	3.957,64	79,32%
III	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	85.741,11	85.741,11	
	Cộng	819.230,80	430.585,76	52,56%

Nguồn: BCTC hợp nhất 6 tháng đầu năm 2014 đã soát xét của JVC

✚ Tài sản cố định của Công ty như sau (Đơn vị tính: triệu đồng):

Tên tài sản cố định	31-12-12	31-12-13	30-06-14
Nhà cửa, vật kiến trúc	802,78	684,83	625,86
Máy móc, thiết bị	283.392,47	366.554,65	332.999,14
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8.056,36	7.347,61	6.573,87
Thiết bị, dụng cụ quản lý	494,17	587,81	688,15
Cộng	292.745,78	375.174,90	340.887,02

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC 6 tháng đầu năm hợp nhất đã soát xét năm 2014 của JVC

Theo báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ JVC tại thời điểm 31/08/2014, giá trị còn lại của nhà cửa, vật kiến trúc là 606,20 triệu đồng, máy móc, thiết bị là 274,94 tỷ đồng, phương tiện vận tải, truyền dẫn là 5,49 tỷ đồng, thiết bị, dụng cụ quản lý là 315,15 triệu đồng.

✚ Danh sách tài sản cố định lớn Công ty tính đến thời điểm 30/06/2014

Stt	Tên tài sản	Ngày bắt đầu sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Máy chụp cắt lớp CT- Scanner	25/11/09	2.811,51	1.230,04
2	Máy Cộng hưởng từ	17/01/07	10.125,75	1.125,08
3	07 Máy chạy thận nhân tạo	28/02/07	2.352,00	392,00
4	17 máy chạy thận nhân tạo	28/02/07	5.712,00	1.428,00
5	04 Máy chạy thận nhân tạo	28/02/07		

			1.344,00	336,00
6	06 Máy chạy thận nhân tạo	19/03/07	2.020,24	505,06
7	08 Máy chạy thận nhân tạo	19/03/07	2.693,65	673,41
8	03 Máy chạy thận nhân tạo	19/03/07	1.010,12	252,53
9	07 Máy chạy thận nhân tạo	19/03/07	2.356,95	589,24
10	Máy siêu âm 4D	08/10/07	1.616,50	673,54
11	Máy X- quang số hóa CR	02/11/07	2.909,70	525,36
12	Máy X- quang số hóa CR	02/11/07	2.909,70	525,36
13	02 Máy X- quang số hóa CR	02/11/07	5.819,40	1.454,85
14	Máy chụp cắt lớp CT- Scanner	20/12/07	5.236,73	218,20
15	Máy Cộng hưởng từ	28/02/08	13.393,24	7.366,28
16	02 Máy X- quang số hóa CR	06/10/09	2.854,99	1.149,93
17	Máy Cộng hưởng từ Airis Mate	22/10/09	6.260,22	3.443,12
18	Máy chụp cắt lớp CT- Scanner	03/11/09	6.251,18	1.562,79
19	Máy Cộng hưởng từ	29/12/09	6.549,42	2.073,98
20	04 Máy siêu âm	27/08/10	3.100,72	1.119,70
21	Máy X- quang số hóa CR	08/10/10	1.709,59	641,10
22	Máy X- quang số hóa CR	08/10/10	1.709,59	641,10
23	Máy X- quang số hóa DR	08/10/10	2.425,24	909,46
24	Máy chụp cắt lớp CT- Scanner	01/12/10	4.472,79	1.801,54
25	Máy chụp cắt lớp CT- Scanner	01/03/11	11.284,73	7.617,19
26	Máy chụp Cộng hưởng từ	03/03/11	20.606,36	13.909,29
27	Máy X- quang	03/03/11	3.904,36	2.635,44
28	Máy chụp cắt lớp CT- Scanner	03/03/11	10.411,63	7.027,85
29	Máy siêu âm 4D	03/03/11	2.819,82	1.903,38

30	Máy siêu âm 4D	03/03/11	3.253,64	2.196,20
31	Dây truyền SX	20/04/11	3.423,70	2.339,73
32	Máy Cộng hưởng từ Airis Mate	01/03/12	5.422,62	4.157,34
33	Máy Cộng hưởng từ Airis Mate	01/03/12	5.422,62	4.157,34
34	Máy chụp cắt lớp CT- Scanner Pronto	01/03/12	2.711,31	2.078,67
35	Máy chụp cắt lớp CT- Scanner Pronto	01/03/12	2.711,31	2.078,67
36	Máy chụp cắt lớp CT- Scanner Pronto	01/03/12	2.711,31	2.078,67
37	Máy chụp cắt lớp CT- Scanner Pronto	01/03/12	2.711,31	2.078,67
38	Máy chụp cắt lớp CT- Scanner Pronto	01/03/12	2.711,31	2.078,67
39	Máy Cộng hưởng từ Aperto Lucent	21/03/12	9.185,15	7.091,33
40	Máy chụp CHT Echelon 1.5 T	27/03/12	16.315,61	12.622,67
41	Máy dập kim loại	20/06/12	754,71	503,14
42	Máy X- quang số hóa DR	03/05/12	2.335,50	1.727,30
43	Máy X- quang số hóa DR	03/05/12	2.335,50	1.751,62
44	Máy CT- Scanner	20/04/12	2.683,62	2.102,17
45	Máy CT- Scanner	20/04/12	2.683,62	2.102,17
46	Máy CT- Scanner	20/04/12	2.683,62	2.213,99
47	Máy CT- Scanner	20/04/12	2.683,62	2.213,99
48	Máy CT- Scanner	20/04/12	2.683,62	2.213,99
49	Hệ thống DR	23/07/12	1.573,59	1.196,58
50	Hệ thống DR	23/07/12	1.573,59	1.196,58
51	Hệ thống DR	23/07/12	1.573,59	1.196,58
52	Hệ thống DR	23/07/12	1.573,59	1.196,58
53	Hệ thống DR	23/07/12		

			1.573,59	1.196,58
54	Hệ thống DR	12/09/12	1.573,59	1.229,37
55	Máy siêu âm nội soi-	28/09/12	2.204,37	1.818,61
56	Máy Cộng hưởng từ 1.5T	30/09/12	16.540,02	13.645,52
57	Máy chụp cắt lớp CT 64 lát	30/09/12	10.296,31	8.494,46
58	Máy chụp cắt lớp CT 64 lát	30/09/12	10.296,31	8.494,46
59	Máy chụp cắt lớp CT	30/09/12	4.280,30	3.531,25
60	Máy chụp cắt lớp CT	30/09/12	4.280,30	3.531,25
61	Máy X- quang số hóa CR POC 360	30/09/12	643,90	456,09
62	Máy X- quang số hóa CR POC 360	30/09/12	643,90	456,09
63	Máy cộng hưởng từ AIRIS II	30/09/12	5.100,79	4.208,15
64	Máy cộng hưởng từ Airis II	05/10/12	6.560,82	5.576,70
65	Máy cộng hưởng từ Airis II	05/10/12	6.560,82	5.576,70
66	Coil Cộng hưởng từ	28/11/12	6.873,24	5.784,98
67	Máy CT 128 lát	04/02/13	21.682,50	18.610,81
68	Máy CT 128 lát-	29/03/13	21.682,50	18.972,19
69	CT-Scanner Pronto-	01/04/13	2.683,62	2.348,17
70	CT-Scanner Pronto	01/04/13	2.683,62	2.348,17
71	CT- Scanner Scenaria	01/07/13	21.682,50	19.514,25
72	Máy CR Clasic-	16/04/13	2.165,07	1.930,52
73	CT-Scanner	20/05/13	3.575,88	3.188,49
74	Máy Cộng hưởng từ	20/05/13	4.767,84	4.291,06
75	CT-Scanner 16 lát	20/05/13	5.634,72	5.212,12
76	Máy Cộng hưởng từ	25/06/13	8.300,00	7.470,00
77	CT- Scanner Pronto	01/04/13	2.683,62	2.348,17

78	CT-Scanner	29/06/13	6.037,50	5.433,75
79	Máy bơm cản từ cho MRI	01/04/13	542,62	474,79
80	Máy bơm cản từ cho máy MRI	01/04/13	481,11	420,97
81	Bàn mổ thủy lực	15/10/13	2.364,56	2.206,92
82	Máy DR X1	14/04/14	2.236,50	2.199,23

✚ Tài sản đất đai: Không có

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty

14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên số 01/2014-NQ-ĐHCĐ ngày 23 tháng 06 năm 2014 của JVC, Ban Giám đốc đã đưa ra kế hoạch cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013		Kế hoạch 2014	
	Giá trị	% tăng giảm so với 2012	Giá trị	% tăng giảm so với 2013
Doanh thu thuần	594.056,14	(22,01)	905.000,00	52,34
Lợi nhuận trước thuế	61.337,17	(72,96)	180.000,00	193,46
Lợi nhuận sau thuế	41.680,15	(75,49)	140.000,00	235,89
Vốn chủ sở hữu	951.455,62	36,42	1.198.000,00	25,91
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,02	(15,31)	15,47	8,45
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,38	(20,00)	11,69	7,31
Vốn điều lệ thực góp	568.185,30	60,41	625.000,95	10,00
Cổ tức (*)	15%	-	15%	-

Nguồn: JVC

Ghi chú: Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014 của JVC, Công ty thực hiện thay đổi niên độ tài chính từ năm 2014. Theo đó, niên độ tài chính năm 2014 bắt đầu từ ngày 01/01/2014, kết thúc ngày 31/03/2015.

14.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

✚ Doanh thu kế hoạch năm 2014 là 905 tỷ đồng, dự kiến tăng 52,34 % so với doanh thu năm 2013. Trong đó, doanh thu bán thiết bị dự kiến là 517 tỷ đồng, tăng 61% so với năm 2013 do Chính phủ giải ngân vốn cho các dự án cũ. Doanh thu vật tư tiêu hao là 207 tỷ đồng, tăng 34% so với năm 2013 do doanh thu bán phim tăng thông qua việc Công ty cho Bệnh viện mượn máy in. Doanh thu liên kết đạt 142 tỷ đồng, tăng 46% so với năm 2012 do số máy mới tăng. Doanh thu dịch vụ khác tăng thêm do bổ sung dịch vụ xử lý nước thải.

14.3. Các biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2014

Đối với hoạt động kinh doanh hiện tại

Với nhận định nhu cầu mua sắm thiết bị y tế sẽ tăng trở lại do Dự án bị hoãn sẽ được thực hiện và Dự án từ nguồn vốn nước ngoài sẽ đẩy mạnh triển khai. Ngoài ra, tình hình cạnh tranh tiếp tục gay gắt giữa các đối thủ lớn Hitachi, Siemen, GE ...

Với định hướng JVC sẽ trở thành nhà cung cấp thiết bị và dịch vụ y tế lớn mạnh, có thể đáp ứng toàn diện nhu cầu của bệnh viện, JVC đặt ra chiến lược cho từng lĩnh vực như sau:

- ✚ Bán thiết bị, vật tư tiêu hao:
 - Tiếp tục phát triển các hệ thống bệnh viện liên kết, mở rộng hoạt động đầu tư vào các bệnh viện trung tâm khám chữa bệnh kỹ thuật cao tại các tỉnh thành, tập trung phát triển các bệnh viện tuyến huyện nơi có nhu cầu khám chữa bệnh lớn nhưng các thiết bị y tế còn thiếu. Cùng cố đội ngũ bán hàng để phủ rộng toàn quốc. Đẩy mạnh các chương trình tiếp thị, quảng bá thương hiệu, tạo dựng hình ảnh thương hiệu tốt trong lòng người tiêu dùng.
 - Thực hiện chương trình cho mượn máy in film để tăng doanh thu vật tư tiêu hao.
- ✚ Đầu tư liên kết: chuyển hướng tập trung đầu tư ít máy, giá trị cao, ở bệnh viện lớn để nâng cao hiệu quả đầu tư
 - Tiếp tục triển khai 2 dự án Gama Knife.
 - Tiếp tục phát triển các hệ thống bệnh viện liên kết, mở rộng hoạt động đầu tư vào các trung tâm khám chữa bệnh kỹ thuật cao tại các tỉnh thành, tập trung phát triển các bệnh viện tuyến huyện nơi có nhu cầu khám chữa bệnh lớn nhưng các thiết bị y tế còn thiếu.
- ✚ Xe khám lưu động: mở rộng vào miền Nam, marketing tới KCN lớn như VSIP. Giảm chi phí đầu tư bằng cách tận dụng mô hình xe từ container
- ✚ Đẩy mạnh mảng kinh doanh dịch vụ xử lý chất thải cho bệnh viện bị trì hoãn năm 2013

Đối với lĩnh vực kinh doanh mới

- ✚ JVC sẽ trở thành nhà cung cấp thiết bị và dịch vụ y tế lớn mạnh, có thể đáp ứng toàn diện nhu cầu của bệnh viện.
- ✚ JVC đang trong giai đoạn nghiên cứu khả thi định hướng phát triển chuỗi trung tâm xét nghiệm (outsourcing testing service) hợp tác với chuỗi bệnh viện và hệ thống xét nghiệm Nhật.

15. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với vai trò của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Chúng tôi nhận thấy kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 và 3 tháng đầu năm 2014 của Công ty bị sụt giảm mạnh chủ yếu là do các rủi ro chính sách trong bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng chậm, bội chi ngân sách vượt mức dự toán khiến Chính phủ áp dụng các biện pháp mạnh để thắt chặt chi tiêu.

Sang đến năm 2014, dự kiến doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ cải thiện đáng kể, và nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong năm 2014 là có tính khả thi và Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Doanh thu năm 2014 được cải thiện nhờ yếu tố khách quan như việc Chính phủ sẽ giải ngân vốn cho các dự án cũ và các yếu tố chủ quan từ Công ty như tăng số máy mới liên kết, tăng tiêu thụ vật tư tiêu hao, tăng số đầu xe khám cũng như có thêm doanh thu từ dịch vụ xử lý nước thải. JVC dự kiến sẽ ghi nhận 611 tỷ đồng doanh thu từ các dự án mới ghi nhận vào 3 quý còn lại của năm tài chính 2014 (tương ứng 57% tổng giá trị các dự án), do đó lĩnh vực bán thiết bị y tế nhiều khả năng sẽ vượt kế hoạch đề ra. Kết quả kinh doanh quý II năm 2014 của JVC đã có sự cải thiện đáng kể so với cùng kỳ năm trước, doanh thu đạt 190 tỷ đồng, tăng 20%, lợi nhuận trước thuế là 30 tỷ đồng, tăng 256% so với cùng kỳ.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thời hạn dự kiến đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường có tổ chức

Ngay sau khi tất toán đợt chào bán, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để lưu ký và niêm yết bổ sung đối với số cổ phần tăng thêm. Dự kiến thời gian thực hiện trong vòng 1 tháng.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

18. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty có thể gây ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán

Không có

V. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH

1. Loại cổ phiếu

Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành

✚ Phương án sử dụng vốn: Nguồn vốn huy động được từ đợt phát hành sẽ được đầu tư cho (i) Dự án mua sắm Thiết bị khám sức khỏe lưu động, (ii) Đầu tư liên kết thiết bị y tế tại các bệnh viện (bao gồm máy chuẩn đoán hình ảnh: CT, MRI, X-quang, Siêu âm, Nội soi; Máy sinh hóa: máy xét nghiệm máu, nước tiểu...), (iii) Đầu tư trung tâm kỹ thuật cao tại các bệnh viện và (iv) Tổng thầu vật tư tiêu hao (SPD).

✚ Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông

✚ Mệnh giá cổ phần phát hành: 10.000 đồng

✚ Số cổ phiếu hiện tại: 62.500.095 cổ phiếu

✚ Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 50.000.076 cổ phần

✚ Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 500.000.760.000 đồng.

✚ Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu theo Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng theo tỷ lệ thực hiện quyền là 10: 8 (cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền mua, 10 quyền mua được mua 08 cổ phần mới).

✚ Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phần đến 5 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền.

✚ Điều kiện chuyển nhượng: cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng.

✚ Tổng số vốn dự kiến huy động: 750.000.000.000 đồng (Bảy trăm năm mươi tỷ đồng).

✚ Phương án xử lý số cổ phần lẻ (nếu có):

Số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu được làm xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 103 cổ phần tại ngày chốt danh sách. Với tỷ lệ thực hiện 10:8, cổ đông A sẽ nhận được $(103 \times 8)/10 = 82,4$ cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phần lẻ, cổ đông A sẽ được mua thêm 82 cổ phần mới, phần lẻ 0,4 cổ phần bị hủy bỏ.

✚ Tổng số cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành: 112.500.171 cổ phiếu.

4. Giá phát hành dự kiến: **15.000 đồng/ cổ phần.**

5. Phương pháp tính giá phát hành:

- ✚ Giá phát hành được xác định trên cơ sở làm tròn giá trị sổ sách trên một cổ phần của Công ty tại thời điểm phát hành.

Theo báo cáo tài chính JVC thời điểm ngày 30/06/2014, giá trị sổ sách của Công ty là:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí và các quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ}}$$

Tại thời điểm 30/06/2014 (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{956.165.551.291}{62.500.095,00} = 15.299 \text{ đồng/cp}$$

- ✚ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 19/09/2014 đã thông qua phương án phát hành 50.000.076 cổ phần nhằm tăng vốn từ 625.000.950.000,00 đồng lên 1.125.001.710.000,00 đồng cho cổ đông hiện hữu với giá 15.000 đồng/cổ phần.

6. Phương thức phân phối

- ✚ Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua và cổ đông sở hữu 10 quyền mua sẽ được mua 8 cổ phiếu phát hành thêm với giá 15.000 đồng/cổ phiếu.
- ✚ Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phần đến 5 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền.
- ✚ Phương án xử lý số cổ phần lẻ và cổ phần không chào bán hết (nếu có):

Số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu được làm xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 103 cổ phần tại ngày chốt danh sách. Với tỷ lệ thực hiện 10:8, cổ đông A sẽ nhận được $(103 \times 8)/10 = 82,4$ cổ phần. Theo nguyên tắc làm tròn và xử lý cổ phần lẻ, cổ đông A sẽ được mua thêm 82 cổ phần mới, phần lẻ 0,4 cổ phần bị hủy bỏ.

- + Số cổ phần không chào bán hết là số cổ phần mà sau thời hạn đăng ký mua cổ phần dành cho cổ đông hiện hữu, cổ đông hiện hữu không thực hiện đăng ký mua hoặc chưa chuyển nhượng quyền mua;
- + Số cổ phần lẻ và cổ phần không bán hết cho cổ đông hiện hữu sẽ giao cho HĐQT Công ty tìm kiếm đối tác để phân phối tiếp trên cơ sở đảm bảo giá phân phối không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

7. Thời gian phân phối dự kiến

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phần từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:

Lịch trình phân phối cổ phần phát hành dự kiến được thực hiện theo trình tự như sau:

STT	Công việc	Thời gian	Thực hiện
-----	-----------	-----------	-----------

1	Nhận Giấy phép pháp hành của UBCKNN	Ngày T	JVC, VCSC
2	Công bố thông tin theo qui định	T + 1	JVC, VCSC
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện hoán đổi cổ phần và cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm.	T + 1	JVC, HSX, VSD
4	Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện hoán đổi cổ phần và cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm	T + 11	HSX, VSD
5	Gửi danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu cho thành viên lưu ký (TVLK)	T + 18	HSX
6	Chuyển nhượng quyền mua cổ phần (nếu có)	T + 30 - T + 35	JVC, HSX, VCSC
7	Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	T + 19 - T + 40	NHÀ ĐẦU TƯ
8	Gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền cho tổ chức phát hành	T + 41 – T+45	VSD
9	JVC thực hiện bán số cổ phiếu chưa phân phối hết	T+46 – T+56	JVC
10	Báo cáo kết quả phát hành và hoàn tất thủ tục đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung – lấy giấy phép niêm yết bổ sung	T + 57 - T + 67	JVC, VCSC
11	Cổ phiếu phát hành chính thức giao dịch	T + 87	JVC

(Ghi chú: T được tính theo ngày làm việc và lịch trình phân phối cổ phiếu sẽ được thông báo chính thức sau khi Công ty nhận được giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phần từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

8. Đăng ký mua cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu

- ✚ Thời hạn đăng ký mua cổ phần: Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua ngay sau khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng. Theo quy định, thời hạn đăng ký mua tối thiểu cho cổ đông hiện hữu là 20 ngày làm việc.
- ✚ Số lượng cổ phần đăng ký mua: là số lượng cổ phần được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số cổ phần HĐQT quyết định phân phối tiếp do cổ đông từ chối đăng ký mua.
- ✚ Phương thức thanh toán: cổ đông nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần của Công ty.
- ✚ Chuyển giao cổ phiếu: toàn bộ số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN, sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại HSX và đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD.

9. Phương thức thực hiện quyền mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu

- ✚ Cổ đông hiện hữu theo Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chốt tại ngày đăng ký cuối cùng theo tỷ lệ thực hiện quyền là 10: 8 (cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền mua, 10 quyền mua được mua 08 cổ phần mới).
- ✚ Số cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu được làm xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.
- ✚ Cổ đông hiện hữu được chuyển nhượng quyền mua 1 lần duy nhất cho các đối tượng khác trong thời gian đăng ký mua cổ phần đến 5 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp tiền.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ với người nước ngoài

- ✚ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.
- ✚ Chứng khoán của Công ty đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các quy định của pháp luật.
- ✚ Tại thời điểm hiện tại, theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ nắm giữ tối đa của bên nước ngoài vào một Công ty niêm yết là 49%. Căn cứ vào danh sách cổ đông chốt ngày 11/08/2014, số lượng cổ phiếu do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 30.625.261 cổ phiếu (chiếm 49% vốn điều lệ). Sau đợt phát hành thêm vốn điều lệ sẽ tăng từ 625.000.950.000 đồng lên 1.125.001.710.000 đồng, tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ cho phép.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- ✚ Cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

12. Các loại thuế có liên quan

Trong hoạt động, Công ty cần thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng... phụ thuộc các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư của Công ty và tuân thủ theo chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ. Cụ thể như sau:

- ✚ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đang thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp là 22% tính trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Theo quy định của Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, Công ty đang áp dụng thuế suất 0% đối với lợi nhuận từ hoạt động liên kết, khám sức khỏe, từ 5% đến 10% đối với thiết bị y tế, từ 5% đến 10% đối với vật tư tiêu hao.

Thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập cổ tức:*

Theo quy định trong Thông tư số 84/2008/TT-BTC “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân”, ban hành ngày 30/09/2008 và Thông tư số 62/2009/TT-BTC “Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC” ban hành ngày 27/03/2009, nhà đầu tư sẽ phải đóng thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ cổ tức. Khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ đầu tư vốn.

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Cổ tức nhận được x Thuế suất 5%

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

Cũng theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại khác theo quy định của Luật Chứng khoán thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Cách tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%

Mọi trường hợp chuyển nhượng chứng khoán không phân biệt nộp thuế theo thuế suất 0,1% hay 20% đều phải khấu trừ thuế trước khi thanh toán cho người chuyển nhượng.

Căn cứ để xác định số thuế khấu trừ là giá chuyển nhượng chưa trừ các khoản chi phí nhân với thuế suất 0,1%.

✚ Thuế đất, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí,... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phần

Chủ tài khoản: Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Số tài khoản: 69 286 399 mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi Nhánh Thăng Long – Phòng giao dịch Trung Hòa Nhân Chính.

VI. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH CỔ PHẦN

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 11 thông qua ngày 29/11/2005;
- Luật Chứng khoán số 70/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá 11 thông qua ngày 29/06/2006; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Nghị định 102/2010/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Nghị định 43/2010/NĐ-CP về đăng ký Doanh nghiệp;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, ngày 20/07/2012 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 204/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chào bán chứng khoán ra công chúng;
- Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐBT2014 ngày 19/09/2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật.

2. Mục đích phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu

Tổng số vốn huy động được từ đợt phát hành dự kiến là 750 tỷ đồng, sẽ được đầu tư vào các dự án thuộc 04 lĩnh vực chính bao gồm: (i) Dự án mua sắm Thiết bị khám sức khỏe lưu động, (ii) Đầu tư liên kết thiết bị y tế tại các bệnh viện (bao gồm máy chuẩn đoán hình ảnh: CT, MRI, X-quang, Siêu âm, Nội soi; Máy sinh hóa: máy xét nghiệm máu, nước tiểu...), (iii) Đầu tư trung tâm kỹ thuật cao tại các bệnh viện và (iv) Tổng thầu vật tư tiêu hao (SPD).

Tổng nhu cầu vốn đầu tư của các dự án thuộc 04 lĩnh vực nêu trên là 1.008 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Lĩnh vực kinh doanh		Chi tiết dự án	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
Lĩnh vực kinh doanh hiện tại	Xe khám	Đầu tư thêm 100 xe, nâng tổng số xe khám lên 130 xe	140
	Liên kết	Máy CĐHA (*) Đầu tư thêm các máy cấu hình cao (CT128, MRI 1.5T) Đã đạt thỏa thuận với 21 Bệnh viện	426
		Máy sinh hóa (**) Đầu tư 46 máy cung cấp nhu cầu thiếu hụt trên thị trường. Đã thảo luận với 18 Bệnh viện tiềm năng	69
Lĩnh vực kinh doanh mới	Trung tâm kỹ thuật cao	Đầu tư 3 tại Bệnh viện: 115, Gia Định và 7A Tiềm năng áp dụng mô hình vào các Bệnh viện công khác: Bạch Mai, Viện K,...	158
	Tổng thầu vật tư tiêu hao (SPD)	Hợp tác với đối tác Nhật Khách hàng tiềm năng: 2 bệnh viện công và 8 Bệnh viện tư.	215
		Tổng cộng	1.008

(*) : Máy chuẩn đoán hình ảnh: CT, MRI, X-quang, Siêu âm, Nội soi

(**): Máy xét nghiệm máu, nước tiểu...

Ngoài nguồn vốn huy động từ đợt phát hành này, Công ty sẽ sử dụng nguồn tiền thanh toán của khách hàng để tài trợ cho các dự án nêu trên.

3. Phương án khả thi

3.1 Đầu tư xe khám lưu động

Nội dung và tổng nhu cầu vốn:

Đầu tư thêm 100 xe khám lưu động, nâng tổng số xe khám của Công ty từ 30 xe lên 130 xe. Trong đó miền Bắc đầu tư thêm 30 xe, miền Nam đầu tư thêm 70 xe. Ngoài ra, Công ty thay đổi từ việc đầu tư sử dụng xe buýt sang đầu tư công ten nơ. Tổng mức đầu tư của 100 xe công ten nơ là 140 tỷ đồng.

Sự cần thiết của việc đầu tư:

Cả nước hiện có 371 khu công nghiệp (KCN) với 7,2 triệu công nhân. Nhu cầu kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân khu Công nghiệp hiện rất lớn. Đặc biệt với thị trường miền Trung và miền Nam rất tiềm năng do ít đối thủ cạnh tranh. Với 30 xe khám di động, JVC mới chỉ đáp ứng 2% nhu cầu thị trường.

Với việc đầu tư công ten nơ khám bệnh và tiến tới ký hợp đồng trọn gói với các khu công nghiệp lớn, JVC sẽ đặt công ten nơ tại khu công nghiệp để phục vụ việc kiểm tra sức khỏe của công nhân quanh năm, từ đó không những giảm chi phí đầu tư ban đầu mà còn giảm thời gian di chuyển của xe.

	STT	Tên Khu Công Nghiệp	Số cty trong KCN JVC thắng thầu
Bình dương	1	KCN Sóng Thần 2	84
	2	KCN Việt Hương 1	48
	3	KCN Việt Hương 2	8
	4	KCN Tân Đông Hiệp A	22
	5	KCN Tân Đông Hiệp B	9
	6	KCN Đồng An	65
	7	KCN Bình Đường	13
	8	KCN Mỹ Phước 1	33
	9	KCN Mỹ Phước 2	18
	10	KCN Mỹ Phước 3	4
	11	KCN Tân Định	11
	12	KCN Bình Chuẩn	14
	13	KCN Việt Nam-Singapore 1	160
	14	KCN Sóng Thần 1	160
	15	KCN Dệt May Bình An	5
	16	KCN An Thạnh	4
Thành phố Hồ Chí Minh	1	KCN Bình Chiểu	19
	2	KCN Tân Tạo	11
	3	KCN Tân Bình	9
	4	KCN Vĩnh Lộc	10
	5	Khu Chế Xuất Tân Thuận	11

Danh mục tài sản đầu tư

Theo mô hình mới, chuyển từ xe buýt sang đầu tư công ten nơ, Công ty sẽ đặt từ 1 đến 2 công ten nơ khám bệnh tại mỗi khu công nghiệp. Tổng mức đầu tư cho mỗi Công ten nơ là 1,4 tỷ đồng, trong đó chi phí đầu tư cho công ten nơ là 0,25 tỷ đồng, chi phí đầu tư thiết bị khám trong xe là 1,15 tỷ đồng. So với tổng chi phí đầu tư xe buýt là 3 tỷ đồng/ xe, Công ty đã tiết giảm được chi phí đầu tư xe là 2,75 tỷ đồng/ xe, nhờ vậy mà giảm được thời gian hoàn vốn đầu tư, tăng suất sinh lời.



3.2 Đầu tư liên kết thiết bị chuẩn đoán hình ảnh tại 21 bệnh viện và máy sinh hóa tại 18 bệnh viện.

Nội dung và tổng nhu cầu vốn:

Đầu tư thiết bị chuẩn đoán hình ảnh tại 21 bệnh viện mà JVC đã thương thảo hợp đồng thành công với tổng số vốn là 426 tỷ đồng. Trong đó có 10 bệnh viện đã ký hợp đồng. Ngoài ra, Công ty đầu tư 46 máy sinh hóa liên kết với 18 bệnh viện với tổng số vốn là 69 tỷ đồng.

Sự cần thiết của việc đầu tư:

Thị trường hiện cần hơn 3.600 thiết bị chuẩn đoán hình ảnh bao gồm máy CT, MRI, X- ray, siêu âm và nội soi.

Nhu cầu đối với các thiết bị chuẩn đoán hình ảnh hiện rất lớn do máy móc thiết bị tại bệnh viện công đang vận hành quá tải, hiện nay phục vụ được 67% nhu cầu. Đa số các bệnh nhân phải đợi cả buổi chỉ để thực một xét nghiệm chuẩn đoán hình ảnh trong khi ngân sách giới hạn, Bệnh viện khó khăn trong việc đầu tư thêm máy móc. Ngân sách đầu tư phải được phân bổ Toàn quốc.

Công ty có 44 khách hàng tiềm năng đối với thiết bị chuẩn hóa hình ảnh và máy sinh hóa (gồm máy xét nghiệm máu, nước tiểu) đều là các bệnh viện lớn và hứa hẹn lợi nhuận hấp dẫn, có thể ghi nhận doanh thu ngay sau khi đầu tư. Trong đó, JVC đã thương thảo thành công với 21 bệnh viện từ tuyến huyện, tỉnh đến tuyến Trung ương.

Danh mục đầu tư

TW	Tên Bệnh Viện	Số lượng máy	Loại máy	Miền
	1. Bạch Mai	3	CT 128, MRI 1.5T	Bắc
	2. K	2		Trung
	3. ĐH Y dược Huế	2	CT 128	Bắc
	4. Đa khoa tỉnh Hà Tĩnh	1		Nam
	5. Chợ Rẫy	1		CT 640
	6. Nhiệt Đới	1	MRI 0.3T	
Tỉnh/ngành	7. Đa khoa tỉnh Tuyên Quang	1	CT 128	Bắc
	8. Bệnh viện E	1		
	9. Bệnh viện Thái Nguyên	1		
	10. Đại học Y Thái Bình	1		
	11. Nông nghiệp	1	CT 8	
	12. Quân Dân Miền Đông	1	MRI 0.3T	Nam
	13. Quân Y 7	1		Bắc
Huyện/Khu vực	14. Đa khoa TP Vinh	1	MRI 0.3T	Bắc
	15. Đa khoa Cẩm Phả - Quảng Ninh	1	MRI 0.3T & Máy lọc thận	
	16. Lâm Hoa - Thái Bình	1	MRI 0.3T	
	17. Đa khoa TP Hà Tĩnh	1	CT 8	
	18. Đa khoa TP Cẩm Phả	1		
	19. Đa khoa KV Ngã 7 - Cần Thơ	1		Nam
	20. Dầu Giây - Đồng Nai	1		
	21. KV Nhị Chiểu - Hải Dương	1	Máy lọc thận	Bắc

Máy sinh hóa

Điều tra gần đây của Bộ Y Tế cho thấy có khoảng 82% thiết bị sinh hóa không có nguồn gốc rõ ràng hoặc đã lỗi thời, do đó không đạt chuẩn và cần phải thay mới theo yêu cầu của Bộ Y tế.

Tình hình thuê mượn thiết bị không đạt chuẩn là hệ quả của việc quá tải và thiếu vốn. Công ty sẽ đầu tư liên kết thiết bị sinh hóa với 18 bệnh viện theo danh sách sau:

Loại BV	SL máy hiện tại	SL máy cũ cần thay	Mục tiêu của JVC	BV sẽ đầu tư LK
BV Trung Ương	102	—	8	1. Bạch Mai 2. Nhi 3. Thái Bình 4. Việt Tiếp-Hải Phòng
BV Tỉnh/Ngành	126	63 (~50%)	30 (45%)	5. Bắc Ninh 6. Bắc Giang 7. Vĩnh Phúc 8. Hà Nam
BV Huyện/Khu vực	708	708 (100%)	8 (0.1%)	9. Ninh Bình 10. Hưng Yên 11. Nghệ An
Tổng (máy)	936	771	46 (18 BV)	12. Hà Tĩnh 13. Nông nghiệp 14. Kiên An-HP 15. Phúc Yên
Tổng Số Tiền	—	—	69 tỉ đồng	16. Sơn Tây 17. Hà Đông 18. Vĩnh Trường

3.3 Đầu tư trung tâm y khoa kỹ thuật cao.

Sự cần thiết của việc đầu tư:

Việc đầu tư của JVC tại các bệnh viện công nhằm giảm tình trạng quá tải hiện nay tại các khoa chuẩn đoán hình ảnh và xét nghiệm của các bệnh viện lớn của Việt Nam, tăng số lượng và tỷ lệ bệnh nhân được thăm khám mỗi ngày và giảm thời gian chờ khám của bệnh nhân. Theo thống kê, tại các bệnh viện lớn, mỗi ngày có từ 2000 đến 2500 lượt người đến khám, gây ra tình trạng quá tải cho khoảng 30 đến 40 bệnh viện.

JVC dự kiến sẽ thực hiện mô hình đầu tư trung tâm kỹ thuật cao tại khoảng 10 bệnh viện.

Nội dung và tổng nhu cầu vốn:

Đây là lĩnh vực dịch vụ mới của Công ty, được phát triển từ dịch vụ đầu tư liên kết thiết bị tại các bệnh viện. Theo mô hình này, bệnh viện sẽ thu xếp hạ tầng trung tâm, JVC xây dựng hoặc cải tạo hạ tầng trung tâm, cung ứng thiết bị và phân bổ 2 kỹ thuật viên đến mỗi trung tâm. Hệ thống thiết bị cung cấp tại mỗi trung tâm gồm máy cộng hưởng từ kỹ thuật cao từ 1.5 Tesla trở lên, máy chụp cắt lớp, máy siêu âm, máy nội soi và máy xét nghiệm sinh hóa.

JVC sẽ thực hiện đầu tư trung tâm y khoa kỹ thuật cao tại các bệnh viện công lớn (có từ 700 đến 800 giường trở lên), hiện đang quá tải. Việc đầu tư để nhằm phục vụ khoảng 25% bệnh nhân đăng ký khám trong tuần tại các bệnh viện này và toàn bộ các bệnh nhân đến khám vào ngày cuối tuần.

Việc huy động vốn lần này là để đáp ứng nhu cầu đầu tư thêm cho trung tâm kỹ thuật cao tại các bệnh viện 115, Gia Định và 7A với tổng vốn đầu tư là 158 tỷ đồng.

		Bệnh viên 115	Bệnh viên Gia định	Bệnh viên 7A
Hiện trạng		Hoàn thành Dự kiến khai trương tháng 9/2014	Đang cài đặt thiết bị Dự kiến khai trương tháng 11/2014	Đang chuyển mặt bằng Dự kiến hoàn thành tháng 1/2015
Diện tích (m2)		700	520	720
Vốn đầu tư (tỷ đồng)	Cơ sở vật chất	3	1,5	1,5
	Thiết bị	93	124	93
		CT 128, MRI 1.5T X-ray DR, Siêu âm Nội soi, XN sinh hóa	CT 640, MRI 1.5T X-ray DR, Siêu âm Nội soi, XN sinh hóa	CT 128, MRI 1.5T X-ray DR, Siêu âm Nội soi, XN sinh hóa
		Tổng	96	125,5

3.4 Hợp tác với đối tác Nhật bản áp dụng mô hình Tổng thầu vật tư tiêu hao (SPD) cho 10 bệnh viện tại Việt Nam.

Sự cần thiết của việc đầu tư:

SPD là một giải pháp cung ứng tổng thể cho các bệnh viện. Theo đó, một công ty duy nhất sẽ chịu trách nhiệm cung ứng vật tư cho bệnh viện. Trên thực tế, mô hình này đã được áp dụng thành công ở châu Á, rất thịnh hành ở Nhật từ 20 năm trở lại đây và đã mở rộng sang Trung Quốc từ năm 2009.

SPD sẽ đem lại các lợi ích cho bệnh viện như:

- Tiết kiệm chi phí quản lý và vận hành
- Giá rẻ hơn do hưởng lợi nhờ quy mô kinh
- Quản lý chất lượng và số lượng vật tư tốt hơn.

Mô hình SPD khắc phục được tình trạng phức tạp và không hiệu quả hiện nay của quá trình mua hàng khi mỗi bệnh viện phải làm việc với từ 20 đến hơn 30 nhà cung cấp, đồng thời giảm gánh nặng cho bệnh viện trong quá trình quản lý vật tư tiêu hao. Qua tiếp xúc bước đầu, Bộ Y tế và ban giám đốc Bệnh viện rất quan tâm đến mô hình SPD và sẵn sàng hợp tác. Nếu thử nghiệm ở tại các Bệnh viện này thành công thì mô hình này sẽ được hưởng ứng và áp dụng rộng rãi cho các bệnh viện công và tư nhân khác ở Việt Nam.

Nội dung và tổng nhu cầu vốn:

Theo mô hình SPD ở Việt Nam của JVC, việc liên kết giữa JVC và đối tác Nhật Bản sẽ thực hiện với tỷ lệ góp vốn lần lượt từng bên là 51% và 49%. Theo đó, JVC thực hiện liên kết với các Bệnh viện, chuẩn bị về mặt kho bãi, vận chuyển, nhân sự & pháp lý. Đối tác Nhật bản chịu trách nhiệm liên kết các nhà cung ứng, cung cấp kỹ thuật & ứng dụng.

JVC đã được phép của Bộ Y tế triển khai mô hình thí điểm ở 2 bệnh viện Nhà nước quy mô trên 500 giường và đạt được sự đồng ý các điều khoản thỏa thuận để thực hiện mô hình này tại 2 chuỗi Bệnh viện tư nhân lớn tại Việt Nam (bao gồm 8 bệnh viện con). Chi tiết nhu cầu vốn được thể hiện ở bảng dưới đây:

Yêu cầu		Chi tiết	Tổng số (tỷ đồng)
Cơ sở hạ tầng	Nhà kho	Đầu tư vào hệ thống kho bãi với các yêu cầu kỹ thuật đáp ứng cho mặt hàng Vật tư y tế tiêu hao - Nhà kho trung tâm: 2 (1 miền Bắc & 1 miền Nam) - Nhà kho di động tại Bệnh viện: 7 (5 miền Nam & 2 miền Bắc) Thiết bị khác - Xe nâng, hệ thống giữ lạnh và bảo quản, kệ	63
	Hệ thống quản lý hàng tồn kho	Hệ thống quản lý bao gồm cả phần cứng lẫn phần mềm, hệ thống mã vạch, máy đóng gói, dán nhãn - Kết nối nhà kho trung tâm và các nhà kho ở Bệnh viện - Có thể theo dõi kiểm soát được lượng hàng tồn kho hiện tại	31,5
	Vận chuyển	20 xe tải chuyên dụng	10,5
Vốn lưu động		Vốn dự trữ cho các mặt hàng vật tư tiêu hao, đặc biệt một số mặt hàng yêu cầu phải ứng vốn	315
Tổng Cộng (100%)			420
Yêu cầu vốn từ JVC (51%)			215

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

Tổng số tiền thu được của đợt phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu ước tính khoảng 750.000.000.000 đồng, toàn bộ lượng vốn huy động được sẽ được sử dụng để đầu tư vào các dự án đã được nêu trong phần phương án khả thi.

Việc giải ngân vốn thu được từ phát hành sẽ được thực hiện ngay sau khi kết thúc đợt phát hành.

Lĩnh vực kinh doanh	Vốn huy động	Thời gian giải ngân								
		Giai đoạn 1			Giai đoạn 2			Giai đoạn 3		
		Chi tiết	Thời gian	Số vốn	Chi tiết	Thời gian	Số vốn	Chi tiết	Thời gian	Số vốn
Lĩnh vực kinh doanh hiện tại	472,00			175,80			195,10			101,10
Xe khám	104,00	Ô tô	tháng 1/2015	8,75	Ô tô	Tháng 2/2015	8,75	Ô tô	Tháng 3/2015	1,50
		Thiết bị	tháng 1	40,25	Máy chụp CT Scanner, MRI, X rây, siêu âm, nội soi, xét nghiệm sinh hóa	Tháng 2/2015	40,25	Thiết bị	Tháng 3/2015	4,50
Liên kết	368,00			126,80			146,10			95,10
Máy CĐHA	317,00	Thiết bị y tế	Tháng 1/2015	126,80	Thiết bị y tế	Tháng 3/2015	95,10	Thiết bị y tế	Tháng 5/2015	95,10
Máy sinh hóa	51,00					Tháng 3/2015	51,00			

Lĩnh vực kinh doanh	Vốn huy động	Thời gian giải ngân								
		Giai đoạn 1			Giai đoạn 2			Giai đoạn 3		
		Chi tiết	Thời gian	Số vốn	Chi tiết	Thời gian	Số vốn	Chi tiết	Thời gian	Số vốn
Lĩnh vực kinh doanh mới	278,00			63,00			160,00			55,00
Trung tâm kỹ thuật cao	118,00				Máy chụp CT Scanner, MRI, X rây, siêu âm, nội soi, xét nghiệm sinh hóa	Tháng 2	118,00			
Tổng đầu vật tư tiêu hao	160,00	Hệ thống kho	Tháng 1	63,00	Hệ thống quản lý, Nhà kho, Phương tiện vận chuyển	Tháng 3	42,00	Vật tư Tiêu hao	Tháng 4/ 2015	55,00
Tổng cộng	750,00			238,80			355,10			156,10

Nguồn JVC

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn phát hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính: Tầng 15, Tháp Tài chính Bitexco, số 2 Đường Hải Triều quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (84-8) 9143588

Fax: (84-8) 9143209

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 109 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 62626999

Fax: (84-4) 62782688

2. Tổ chức kiểm toán

Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2013: Công ty TNHH KPMG

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 46, tòa nhà Keangnam, Landmark Tower, 72 tầng, E6, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại: (84 4) 3946 1600

Fax: (84 4) 3946 1601

Website: www.kpmg.com.vn

3. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Đợt chào bán lần này có khối lượng chào bán là 50.000.076 cổ phần, tổng số tiền huy động dự kiến là 750 tỷ đồng. Theo đánh giá của tổ chức tư vấn thì đợt chào bán này có thể thực hiện được với các lý do sau:

- ✚ JVC là một công ty niêm yết trên sàn HSX, có thị phần lớn nhất trên thị trường đối với lĩnh vực Công ty đang kinh doanh, có chỉ số cơ bản tốt với tình hình tài chính lành mạnh và thông tin minh bạch.
- ✚ Phương án phát hành và phương án sử dụng vốn của Công ty được xây dựng chi tiết, rõ ràng và phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty và của ngành.
- ✚ Giá phát hành được xác định căn cứ theo giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2014. Cổ đông hiện hữu phần lớn là cán bộ công nhân viên, các quỹ đầu tư đã gắn bó với Công ty và đều mong muốn đóng góp cho sự phát triển của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng đã có phương án tìm kiếm đối tác để phân phối số lượng cổ phiếu không bán hết với mức giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu để đảm bảo cho sự thành công của đợt phát hành.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế,

ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

XI. PHỤ LỤC

1. Giấy đăng ký chào bán cổ phần ra công chúng
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
3. Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty
4. Báo cáo tài chính tài chính riêng của JVC cho kỳ hoạt động từ 01/07/2014 đến 31/08/2014
5. Báo cáo tài chính tài chính hợp nhất và công ty mẹ JVC đã soát xét 6 tháng đầu năm 2014
6. Báo cáo tài chính tài chính hợp nhất và công ty mẹ JVC đã được kiểm toán năm 2013
7. Báo cáo tài chính tài chính hợp nhất và công ty mẹ JVC đã được kiểm toán năm 2012
8. Sơ yếu lý lịch của HĐQT, BGD, BKS và Kế toán trưởng
9. Tài liệu khác có liên quan

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2014

Đại diện tổ chức phát hành - Công ty cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

